

LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH

30

SỰ TÀN BẠO CỦA GIẶC MINH



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Chủ biên
TRẦN BẠCH ĐĂNG
Biên soạn
NGUYỄN KHẮC THUẦN
Họa sĩ
NGUYỄN QUANG VINH



LỊCH SỬ VIỆT NAM

BẰNG TRANH

TẬP 30: SỰ TÀN BẠO CỦA GIẶC MINH

Tái bản lần thứ 4

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Hình vẽ do phòng vẽ “Lịch sử Việt Nam bằng tranh” thực hiện
Họa sĩ thể hiện: Lâm Chí Trung
Biên tập hình ảnh: Phan Thành Nam

BIỂU GHI BIÊN MỤC TRƯỚC XUẤT BẢN ĐƯỢC THỰC HIỆN BỞI THƯ VIỆN KHTH
TP.HCM

Sự tàn bạo của giặc Minh / Trần Bạch Đằng chủ biên ; Nguyễn Khắc Thuần biên soạn ;
họa sĩ Nguyễn Quang Vinh. - Tái bản lần thứ 4. - T.P. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2013.

96 tr. ; 20 cm. - (Lịch sử Việt Nam bằng tranh ; T.30).

1. Việt Nam — Lịch sử — Thời kỳ đô hộ của nhà Minh, 1407-1427 — Sách tranh. 2.
Việt Nam — Lịch sử — Khởi nghĩa Lam Sơn, 1418-1428 — Sách tranh. I. Trần Bạch Đằng.
II. Nguyễn Khắc Thuần. III. Ts: Lịch sử Việt Nam bằng tranh.

1. Vietnam — History — Colonial period of Ming dynasty, 1407-1427 — Pictorial works.
2. Vietnam — History — Lam Son Uprising, 1418-1428 — Pictorial works.

959.70252 — dc 22

S938

LỜI GIỚI THIỆU

Năm 1407, sau khi bắt được Hồ Hán Thương, nhà Minh đã đánh bại nhà Hồ và bắt đầu đặt ách thống trị lên nước ta. Từ đây, nước ta thêm một lần nữa bị Bắc thuộc. Những năm tháng đau thương của cả dân tộc ta trong thời kỳ bị quân Minh đô hộ đã được bậc danh nhân Nguyễn Trãi ghi lại một cách xót xa:

Độc ác thay, trúc Nam Sơn không ghi hết tội,

Dơ bẩn thay nước Đông Hải không rửa sạch mùi.

(Trích Bình Ngô đại cáo, bản dịch của Ngô Tất Tố)

Chúng bắt dân ta lên rừng xuống biển, vào nơi sơn lâm chường khí, tìm vật lạ. Lại sưu cao, thuế nặng dân nào chịu xiết. Chẳng những thế, thâm hiểm hơn, chúng còn muốn đồng hóa dân ta, xóa đi bản sắc nước nhà. Nhưng dân ta vốn chẳng yếu hèn, lại sẵn có truyền thống đánh đuổi ngoại xâm, vì vậy mà có người đứng lên hiệu triệu, cùng văn thần tướng giỏi, nhân dân hết lòng phò tá ngôi phục giang sơn. Dù thất bại vì lý do gì, xong đó cũng là những tiền đề quan trọng cho khởi nghĩa Lam Sơn sau này.

*Những nội dung trên được truyền tải trong tập 30 của bộ **Lịch sử Việt Nam bằng tranh “Sự tàn bạo của giặc Minh”** phần lời do Nguyễn Khắc Thuần biên soạn, phần hình ảnh do Nguyễn Quang Vinh thể hiện.*

*Nhà xuất bản Trẻ xin trân trọng giới thiệu tập 30 của bộ **Lịch sử Việt Nam bằng tranh**.*

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Từ những mất mát, đau thương bởi sự bạo tàn của quân giặc, ngay từ năm 1407 cho đến năm 1419, nhiều cuộc khởi nghĩa chống quân Minh đã liên tục nổi dậy trên khắp đất nước. Tuy đều bị thất bại nhưng những cuộc khởi nghĩa này đã để lại cho lịch sử những tấm gương anh hùng thiết thaó sáng ngời.

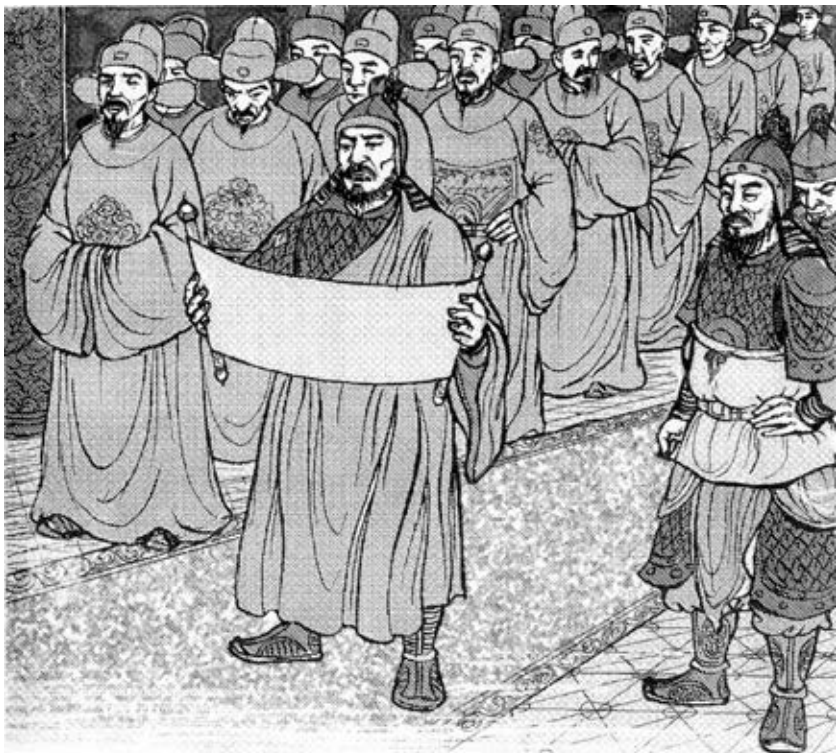
Mời bạn cùng trở lại với những năm tháng đen tối nhất mà cả dân tộc ta phải sống dưới ách thống trị tàn bạo của quân Minh; cũng là lúc bắt đầu của những cuộc chiến đấu gian khổ nhưng đầy hào hùng của cha ông ta thuở ấy.

Ngay từ giữa năm 1407, nghĩa là ngay sau khi nhà Hồ hoàn toàn đại bại, giặc Minh đã vất bỏ ngọn cờ giả hiệu “*phù Trần diệt Hồ*”. Gần như toàn bộ vua tôi nhà Hồ đều bị bắt và bị giải về Trung Quốc, nhưng nhà Trần thì chẳng hề được dựng lên.



Giặc quyết thủ tiêu nền độc lập của nước ta và mưu toan biến nước ta thành một bộ phận của lãnh thổ nhà Minh. Chúng mượn tay bọn Việt gian mà đặc biệt là tên Mạc Thúy, lấy danh nghĩa là “kỳ lão” của nước ta, dâng thư về triều Minh nói rằng: “*Họ Trần nay không còn ai mà đất nước An Nam lại vốn là vùng Giao Châu cũ của thiên triều, vậy xin thiên triều chia đặt quận huyện như xưa*”.

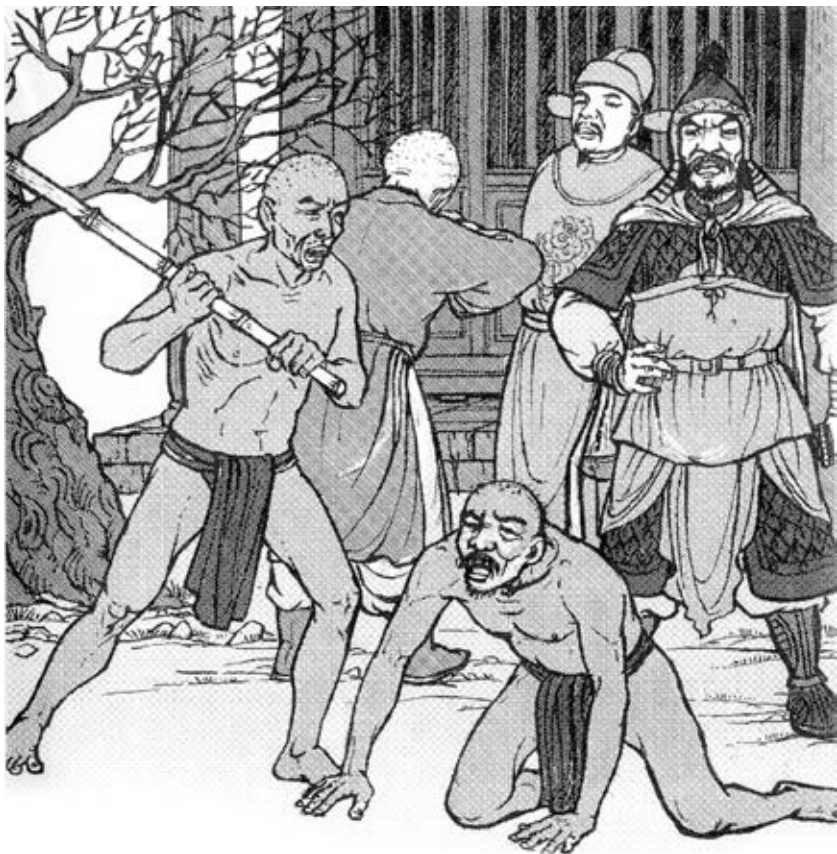




Đầu tháng 6 năm Đinh Hợi (1407), vua Minh lúc ấy là Minh Thành Tổ hạ chiếu đổi tên nước ta là Giao Chỉ. Bấy giờ tướng giặc Trương Phụ tâu về triều là đã lấy được tất cả 27 phủ và châu, 92 huyện với 1.858.400 hộ dân. Khoảng 1 năm sau (1408), y về Trung Quốc dâng lên vua Minh bản đồ nước ta: “*Đông Tây dài 1760 dặm, Nam Bắc dài 2800 dặm*”. Theo đề nghị của Trương Phụ, vua Minh chia nước ta làm 15 phủ, tất cả quản lĩnh 36 châu và 191 huyện, chưa kể 5 châu tự trị khác.

Để kịp thời đối phó với mọi hành vi phản kháng của nhân dân ta, giặc đồng thời lập nên hai hệ thống chính quyền khác nhau. Một là chính quyền quân sự do các tướng của nhà Minh trực tiếp nắm giữ. Hai là chính quyền dân sự gồm các quan lại do nhà Minh phái sang. Cả hai chính quyền cùng hợp sức để khống chế và bóc lột nhân dân ta.

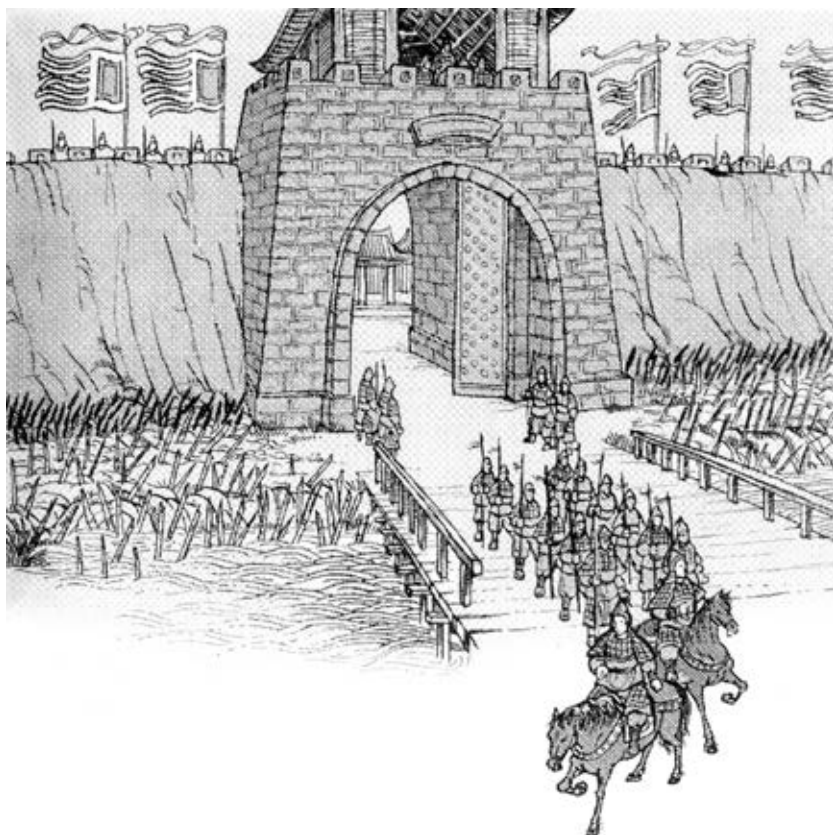




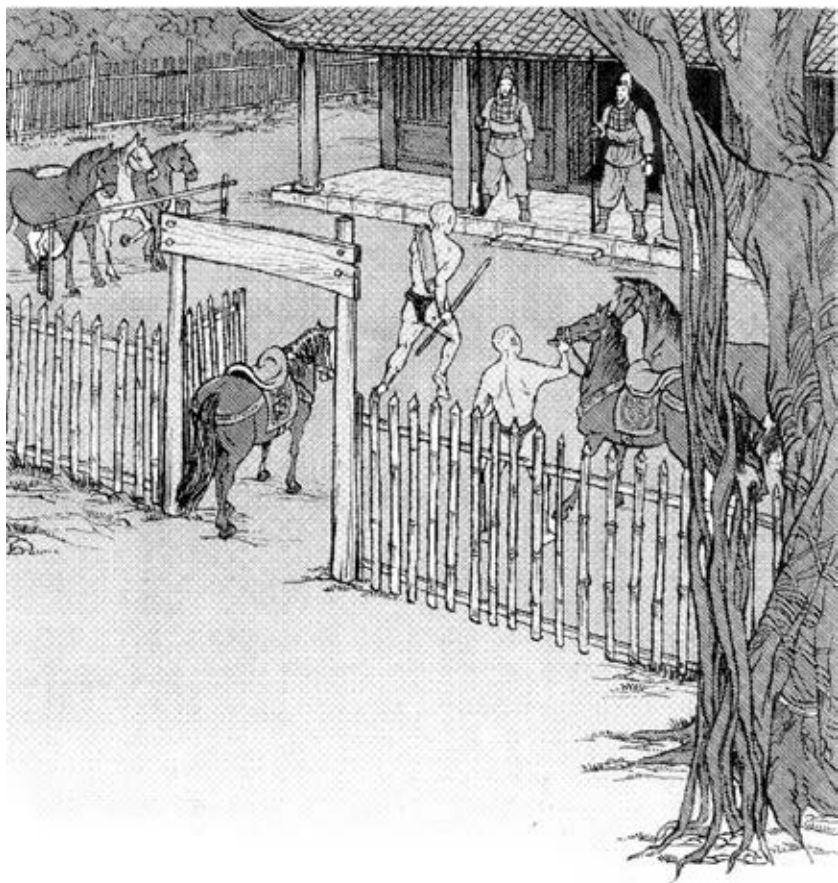
Trong guồng máy cai trị, giặc nham hiểm sử dụng một số tên Việt gian phản phúc làm tay sai. Đó là Mạc Thúy giữ chức Tả Tham nghị, Mạc Huân giữ chức Hữu Tham nghị, Lương Nhữ Hốt giữ chức Tả Tham chính, Nguyễn Huân giữ chức Tả Bố chính v.v... Ngoài ra, giặc còn bắt hàng loạt tráng đinh nước ta vào lính, tạo nên một đội ngũ nguy binh với mưu đồ “dùng người Việt, đánh người Việt”.

Hàng loạt những đồn ải và thành lũy được dựng lên, hàng loạt những hình phạt man rợ được đem ra áp dụng. Ai mới hơi có ý chống đối, dù là nhỏ nhất, giặc cũng bắt đem mổ bụng moi gan hoặc thiêu sống, nấu trong vạc dầu, đem rán mỡ v.v... Chúng hy vọng với những biện pháp cứng rắn đó, chúng sẽ dập tắt được sự phản kháng của dân ta và mau chóng lập được nền đô hộ vững chắc lên toàn cõi.



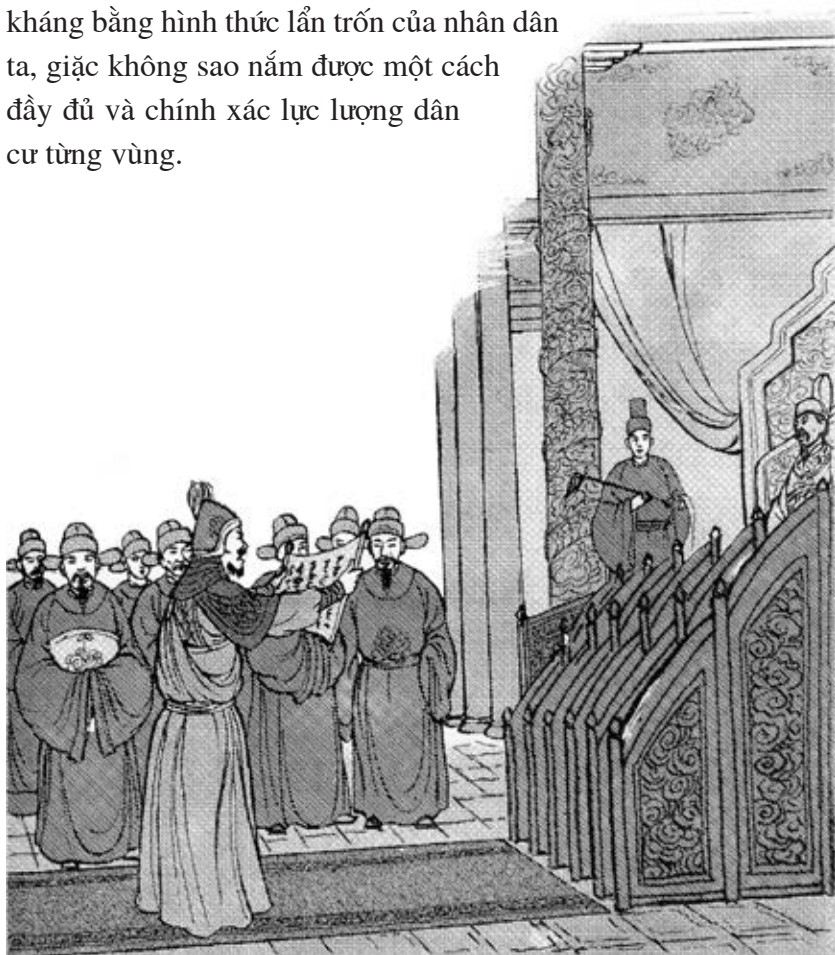


Sử cũ cho hay, phàm là nơi quan lại nhà Minh làm việc hoặc là nơi hiểm yếu, chúng đều bắt dân ta xây thành đắp lũy để phòng giữ lâu dài. Tính chung cả nước lúc giờ có đến 39 thành lũy lớn. Một số thành lũy của quân Minh vẫn còn dấu vết đến tận hôm nay như dấu vết thành Cổ Lộng ở Ý Yên (Nam Định), dấu vết thành Điều Điều (ở Gia Lâm, Hà Nội) v.v...



Để đảm bảo sự liên lạc thường xuyên và chặt chẽ giữa các địa phương, trên các trục lộ giao thông chính, cứ khoảng 10 dặm, quân Minh lại dựng một nhà dịch trạm. Cả nước ta lúc này có đến 374 nhà dịch trạm, mỗi nơi có một đơn vị lính đóng giữ. Đơn vị lính này không những bảo đảm liên lạc và phục vụ việc đi lại của quan lại nhà Minh mà còn sẵn sàng đàn áp mọi sự phản kháng của dân ta khi cần thiết.

Ngay sau khi vừa xây dựng xong guồng máy chính quyền đô hộ, giặc tiến hành thống kê dân số và đo đạc đất đai nhằm thực hiện chính sách bóc lột đối với dân ta. Theo bản tấu của Trương Phụ gửi cho vua Minh năm 1408, dân số ở vùng đồng bằng nước ta là 3.120.000 người, còn ở vùng trung du và miền núi là 2.087.000 người. Tuy nhiên, con số đó chưa hẳn là thực tế vì việc thống kê dân số tuy gắt gao nhưng do sự phản kháng bằng hình thức lẩn trốn của nhân dân ta, giặc không sao nắm được một cách đầy đủ và chính xác lực lượng dân cư từng vùng.



Muốn đo đạc đất đai, làm cơ sở đánh thuế, giặc đã huy động một lực lượng đông đảo quan quân rải ra khắp mọi miền của đất nước ta. Tính đến năm 1417, trừ phủ Thăng Hoa (vùng Quảng Nam và Quảng Ngãi ngày nay) là nơi xa xôi chưa đo đạc được, còn lại chúng đã thống kê được 17.442 khoảnh và 35 mẫu lẻ. Bảy giờ mỗi khoảnh là 100 mẫu. Nói khác hơn, giặc đã nắm được trên 1.744.200 mẫu đất. Hiển nhiên đó là đất ruộng, đất canh tác lâu đời.



Đô hộ nước ta, quân Minh đã thực hiện chế độ vơ vét rất tàn nhẫn. Chế độ này thể hiện tập trung ở hai khoản chính. Đó là *thuế khóa* và *cống phẩm*. Trên hình thức, thuế của nhà Minh không có gì khác với thuế thời Hồ, nhưng trong thực tế lại cao hơn gấp 3 lần. Lý do là vì quân Minh bắt dân ta tính một mẫu thành ba mẫu.

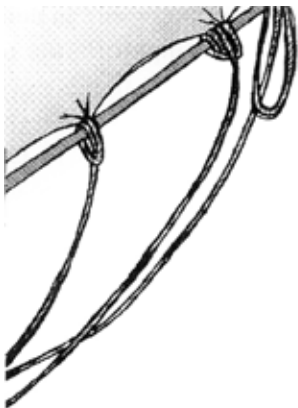




Trong mọi khoản thu, cống phẩm là khoản thu nặng nề và phức tạp hơn cả. Đối với vùng rừng núi, quân Minh bắt dân ta phải nộp sừng tê, ngà voi, lông chim quý (như chim công, chim trĩ...), thú hiếm... cùng các loại hương liệu (như trầm hương, quế...). Đó là thu theo định kì. Ngoài ra, hễ dân có của ngon vật lạ, bất kể là từ nguồn gốc nào, cũng đều phải đem nộp cho quan lại nơi sở tại.

Đối với vùng đồng bằng, giặc thu các đặc sản nổi tiếng của ta đem về Trung Quốc. Ba loại đặc sản thường đứng đầu trong danh mục cống phẩm và quân Minh vơ vét nhiều nhất là tơ lụa, sơn và quạt giấy. Theo thống kê của chính sử nhà Minh thì từ năm 1416 đến năm 1423, chúng đã thu về Trung Quốc tất cả 12.471 tấm lụa (mỗi tấm tương đương khoảng 10m), 15.100 cân sơn và 75.965 cái quạt giấy.





Đối với vùng ven biển, đặc sản quân Minh vơ vét nhiều nhất là ngọc trai, san hô và các thứ hải sản khác. Để có những thứ này, quân Minh buộc nhân dân ta làm việc trong điều kiện cực kì khó khăn và nguy hiểm. Nhiều người đã phải chết một cách thảm thương khi lặn xuống đáy biển để mò trai tìm ngọc. Ở vùng ven biển, quân Minh quản lý rất chặt việc sản xuất và kinh doanh muối, hồng qua đó khống chế nhân dân các vùng khác.

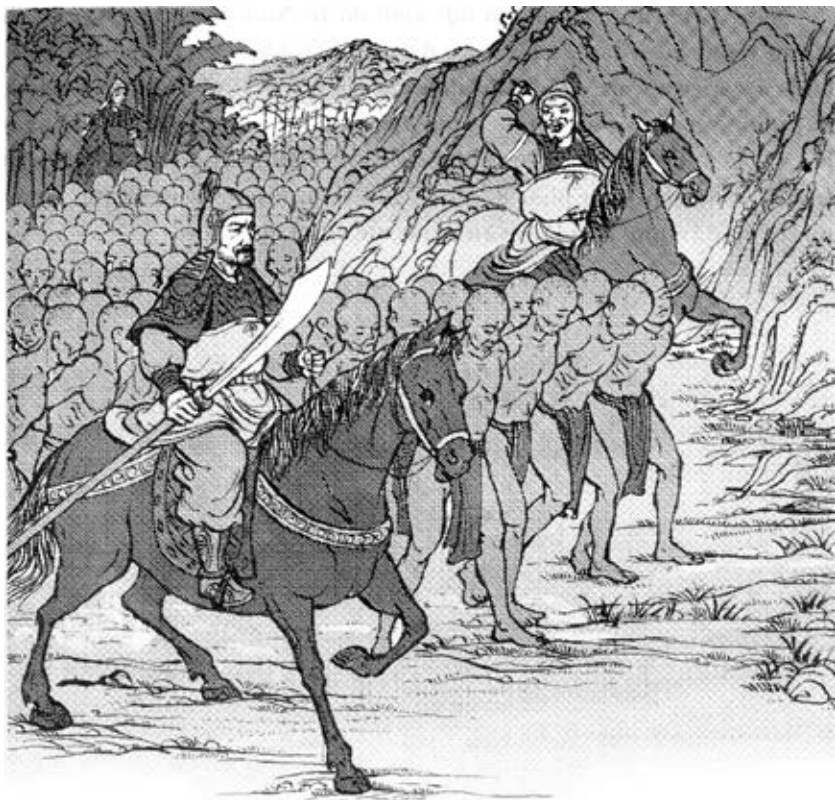


Để dễ bề kiểm soát và đề phòng mọi mưu toan nổi dậy, cũng là có điều kiện vơ vét thêm của cải của dân ta, quân Minh lập ra rất nhiều *Ty Tuần kiểm*. Trên danh nghĩa, ty này là cơ quan có nhiệm vụ thu thuế và lưu thông hàng hóa, song trong thực tế thì đây chính là những đồn kiểm soát đặc biệt của quân Minh. Từ khoảng năm 1417 trở đi, cả nước ta có đến 187 Ty Tuần kiểm như thế. Số thuế quân Minh thu được từ các ty này cũng vô cùng lớn.



Từ khi thiết lập được hệ thống chính quyền đô hộ trên toàn cõi nước ta, quân Minh thực hiện chính sách bắt người ngày càng ráo riết. Lúc đầu, chúng chỉ mới bắt người vào lính, nhưng sau đó, chúng bắt bất cứ ai xét thấy cần. Lực lượng thứ nhất mà chúng bắt là nho sĩ có tài của nước ta. Mục đồ của chúng là thủ tiêu đội ngũ trí thức, đẩy dân ta vào tình trạng ngu dốt, tối tăm để khống chế dễ dàng hơn.





Lực lượng thứ hai mà quân Minh bắt và bắt rất nhiều là những người thợ thủ công lành nghề. Họ bị đưa về Trung Quốc và bị buộc phải phục dịch cho những công trình xây dựng của triều đình nhà Minh. Riêng năm 1407, chỉ một mình Trương Phụ đã bắt và đem về Trung Quốc 7.700 thợ đủ mọi ngành nghề. Trong số này có Nguyễn An là một thợ thủ công rất lành nghề.

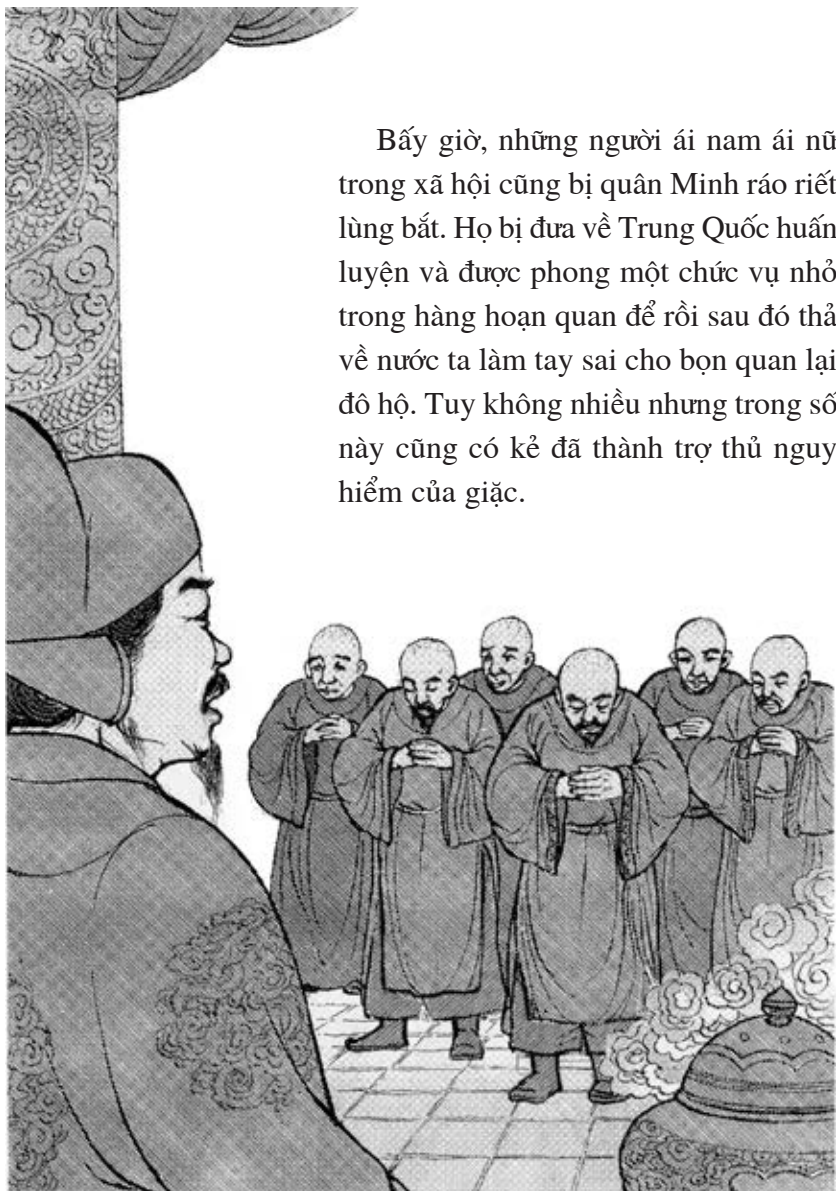
Năm 1417, nhà Minh cho dời đô từ Nam Kinh đến Bắc Kinh. Công trình kiến tạo to lớn này đã tiêu tốn không biết bao nhiêu là của cải và công sức. Để có đủ nhân công, quân Minh tìm mọi cách để bắt phu. Ngoài số phu người Trung Quốc, hàng vạn người Việt cũng bị bắt đưa về Trung Quốc làm phu dịch. Bấy giờ, tất cả đàn ông từ 16 tuổi đến 60 tuổi đều phải đi phu. Mãn hạn đi phu sang Trung Quốc phần lớn dân phu đều lâm vào cảnh sức cùng, lực kiệt.



Trong chính sách bắt người của quân Minh, tàn bạo hơn cả vẫn là việc bắt phụ nữ và trẻ em. Phụ nữ bị bắt để mua vui cho giặc. Còn trẻ em là trai mà khôi ngô tuấn tú thì chúng bắt đem về Trung Quốc, nuôi dạy theo lối nhồi nhét những tư tưởng coi rẻ tổ tiên dân tộc mình và sau đó, biến tất cả thành hoạn quan để khi có điều kiện thì đưa lực lượng này về quấy phá nước ta.



Bấy giờ, những người ái nam ái nữ trong xã hội cũng bị quân Minh ráo riết lùng bắt. Họ bị đưa về Trung Quốc huấn luyện và được phong một chức vụ nhỏ trong hàng hoạn quan để rồi sau đó thả về nước ta làm tay sai cho bọn quan lại đô hộ. Tuy không nhiều nhưng trong số này cũng có kẻ đã thành trợ thủ nguy hiểm của giặc.





Trong mọi chính sách của giặc, nguy hiểm hơn cả là chính sách đồng hóa. Giặc bắt dân ta bỏ tập tục của tổ tiên để theo phong tục tập quán của nhà Minh. Từ cách làm nhà ở, cách ăn mặc đến cả cách để tóc đều phải rập theo khuôn mẫu của dân Minh. Cũng từ đây kẻ thù bắt dân ta phải tuân thủ mọi định chế của pháp luật do triều Minh định ra. Những thành tựu to lớn của lịch sử pháp quyền nước nhà như *Hình thư* thời Lý (biên soạn xong năm 1042), *Hoàng triều đại điển* và *Hình thư* thời Trần (biên soạn xong năm 1341) đều bị xóa bỏ.



Giặc điên cuồng tìm mọi cách để hủy hoại nền văn hóa nước ta. Chúng sục sạo khắp nơi, tìm kiếm và tịch thu sách vở quý của ta đem về Trung Hoa. Trong số đó có *Đại Việt sử ký*, 30 quyển, do Bảng nhãn Lê Văn Hưu soạn; *Việt thế chí* do Hồ Tông Thốc soạn; *Binh thư yếu lược* do Trần Hưng Đạo soạn; *Kiến trung thường lễ*, 10 quyển, do vua Trần Thái Tông soạn. Nhiều loại sách khác đã bị chúng đốt bỏ. Chưa thời kỳ nào sách vở của tổ tiên ta bị tổn hại khủng khiếp như thời kỳ này^(*).

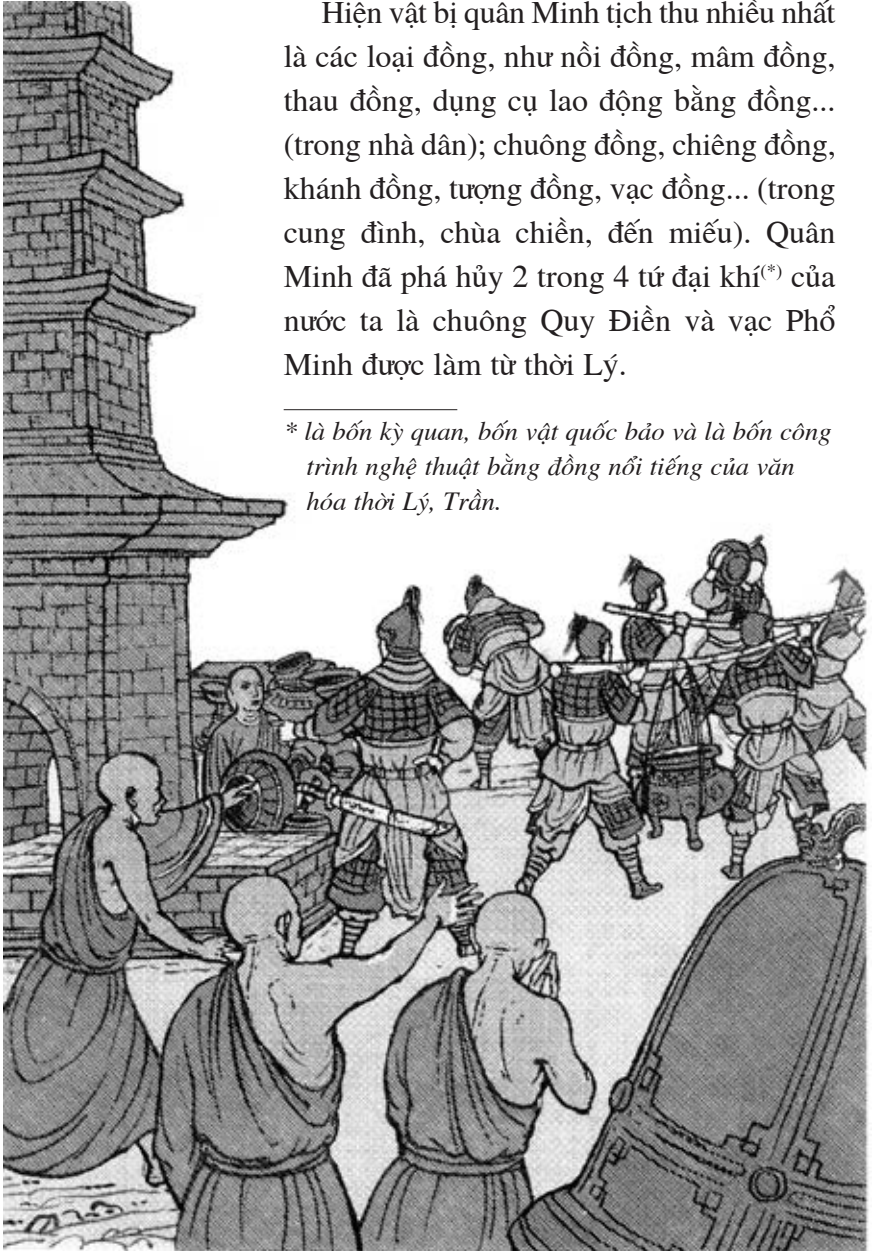
^{*} Theo thống kê của Phan Huy Chú trong Lịch triều hiến chương loại chí, mục Văn lịch chí thì quân Minh đã tịch thu trên 30 bộ sách lớn, rất có giá trị để đem về Trung Quốc.

Không chỉ sách vở, quân Minh còn chú ý đến tất cả những hiện vật có chạm hoặc khắc chữ. Những gì có thể tịch thu được là chúng tịch thu. Những gì không tịch thu được thì chúng hủy hoại. Hoàng loạt bia đá bị chúng đập nát. Tất cả những hiện vật có chữ đều bị chúng đốt hoặc đập phá tan hoang. Hầu như chẳng còn công trình văn hóa vật chất nào của tổ tiên lại có may mắn tồn tại một cách nguyên vẹn.



Hiện vật bị quân Minh tịch thu nhiều nhất là các loại đồng, như nồi đồng, mâm đồng, thau đồng, dụng cụ lao động bằng đồng... (trong nhà dân); chuông đồng, chiêng đồng, khánh đồng, tượng đồng, vạc đồng... (trong cung đình, chùa chiền, đền miếu). Quân Minh đã phá hủy 2 trong 4 tứ đại khí^(*) của nước ta là chuông Quy Điền và vạc Phổ Minh được làm từ thời Lý.

** là bốn kỳ quan, bốn vật quốc bảo và là bốn công trình nghệ thuật bằng đồng nổi tiếng của văn hóa thời Lý, Trần.*





Gắn liền với việc cướp phá sách vở và những hiện vật có chữ, giặc tìm đủ mọi cách để hạn chế việc học hành và thi cử của nhân dân ta. Lúc đầu, nhà Minh đã qui định số người được đi thi Cống sĩ ở địa phương như sau: Mỗi phủ mỗi năm được cử hai người, mỗi châu hai năm được cử ba người và mỗi huyện mỗi năm được cử một người. Đó chỉ mới là số người được cử đi thi, còn số người đỗ thì hẳn nhiên là không đáng kể. Từ năm 1418 trở đi, con số quy định đó giảm chỉ còn một nửa.



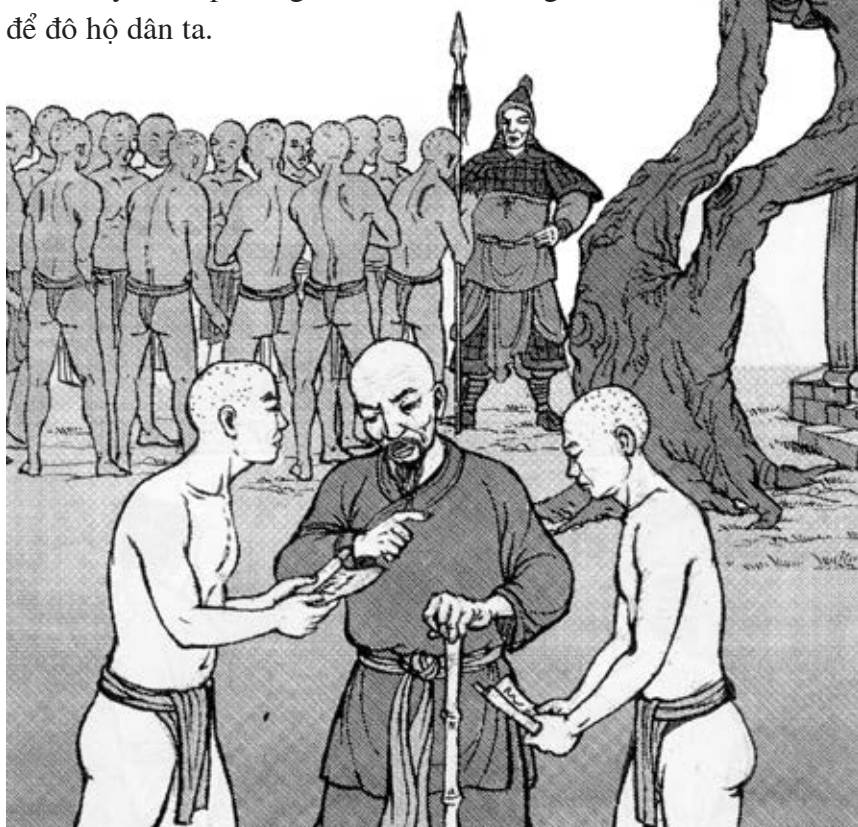
Trong khi đó, những hoạt động mê tín dị đoan thì mỗi ngày một tăng do sự bắt buộc của giặc Minh. Ngay trong năm Giáp Ngọ (1414), tướng giặc là Hoàng Phúc đã hạ lệnh cho tất cả các phủ, châu và huyện đều phải lập đền thờ thần Núi, thần Sông, thần Mây, thần Gió của địa phương mình. Mỗi năm, các địa phương phải tổ chức hai lần tế lễ. Bởi lệnh này, cả nước ta bấy giờ có đến 444 đàn tế lễ, trong đó có 148 đàn tế thần.



Năm 1418, giặc tiến hành một loạt những biện pháp thống trị rất khắt khe. Muốn củng cố địa vị của mình để dốc toàn lực vào việc đàn áp những cuộc khởi nghĩa của dân ta, và cũng để xiết chặt mối dây ràng buộc đối với xã hội ta, chúng ta đẩy mạnh hai hoạt động quan trọng: một là kiểm kê và nắm chắc hộ tịch của dân; hai là nắm lấy nhu cầu thiết yếu nhất của con người, đó là muối ăn.



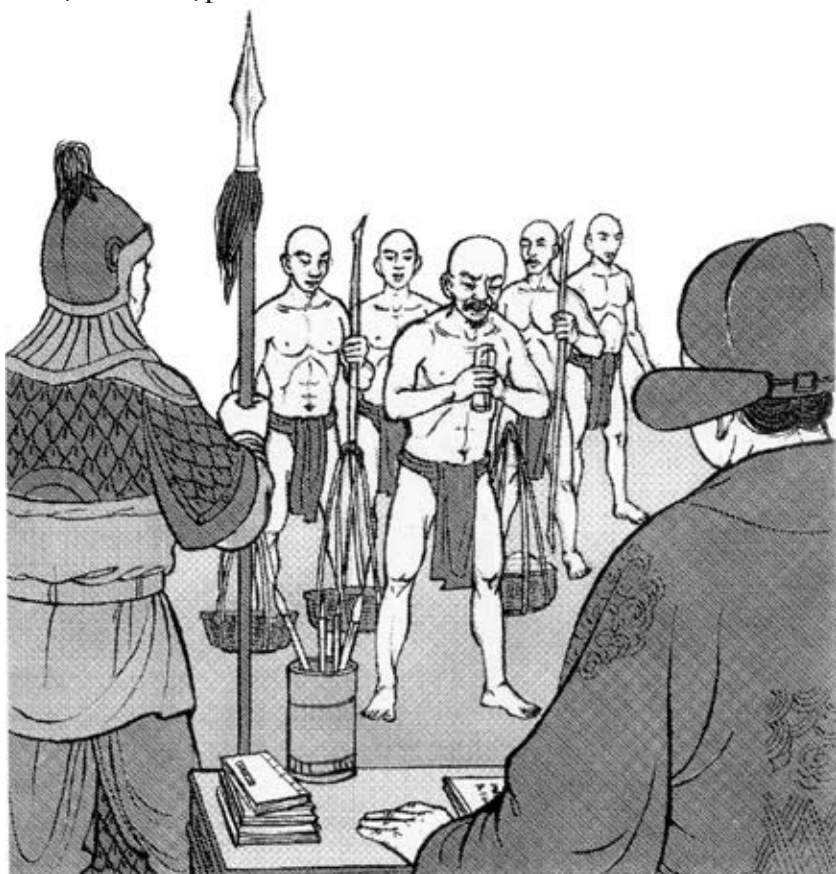
Để kiểm kê và nắm được hộ tịch của dân ta, năm 1419, Tổng binh Lý Bân dâng thư về triều, tâu xin cho Giao Chỉ được làm và cấp hộ thiếp cho dân, đồng thời lập hoàng sách cho tất cả các địa phương theo chế độ của Trung Quốc. *Hộ thiếp* là tờ khai nhân khẩu của mọi gia đình, còn *hoàng sách* là cuốn sổ có bìa màu vàng dùng để ghi chép về nhân đinh, đất đai và các loại thuế khóa, suu dịch. Đây là hai phương tiện rất lợi hại của giặc để đô hộ dân ta.

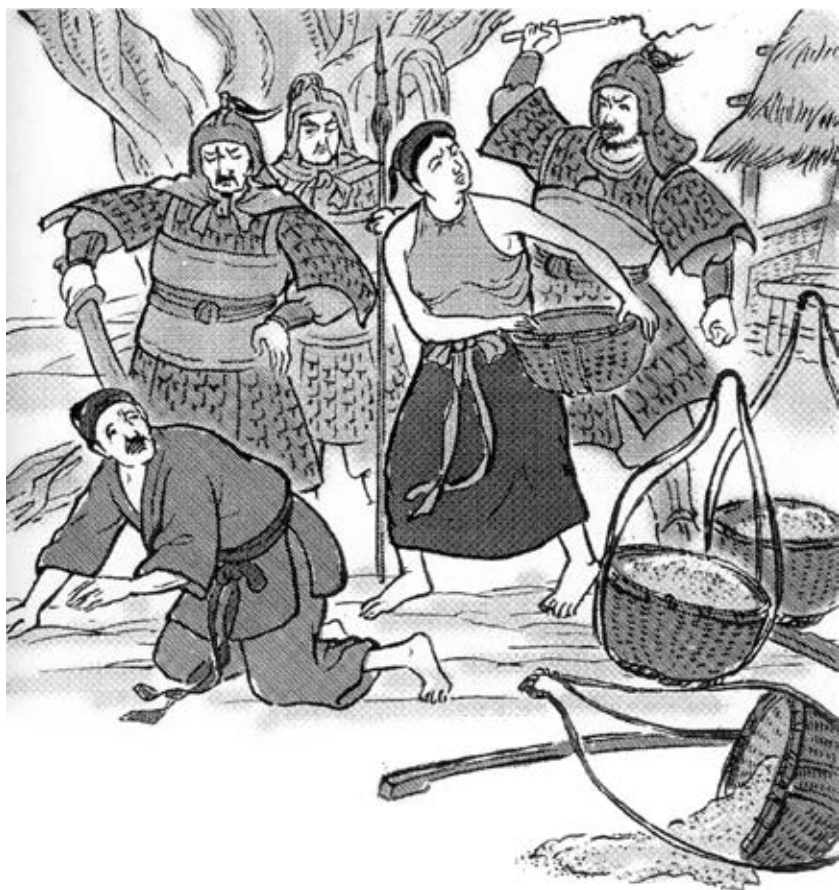


Mặt khác, quân Minh tiến hành quản lý một cách rất gắt gao tất cả những hoạt động sản xuất và kinh doanh muối. Bởi chúng biết rõ rằng, con người có thể nhịn được nhiều thứ nhưng thật khó mà nhịn nổi muối. Vì thế, chúng lập ra cơ quan *Giao Chỉ Diêm khóa Đề cử Ty*. Nhiệm vụ của cơ quan này là kiểm soát thật chặt tất cả các hộ sống bằng nghề muối của nước ta.



Tất cả muối sản xuất được, chúng bắt nạp hết vào *Diêm khố* (kho trữ muối). Giao Chỉ Diêm khóa Đề cử Ty là cơ quan duy nhất độc quyền phân phối muối từ các Diêm khố. Bấy giờ, tất cả những người buôn bán muối đều phải đến cơ quan này để xin giấy phép, gọi là giấy *khám hợp*. Giấy này chỉ có giá trị trong một thời gian nhất định. Những trường hợp đặc biệt, cơ quan *Bố chính Ty* cũng có thể cấp giấy này. Những người buôn mỗi chuyến dưới mười cân muối gọi là Tiểu khám hợp. Còn mười cân trở lên gọi là Đại khám hợp.



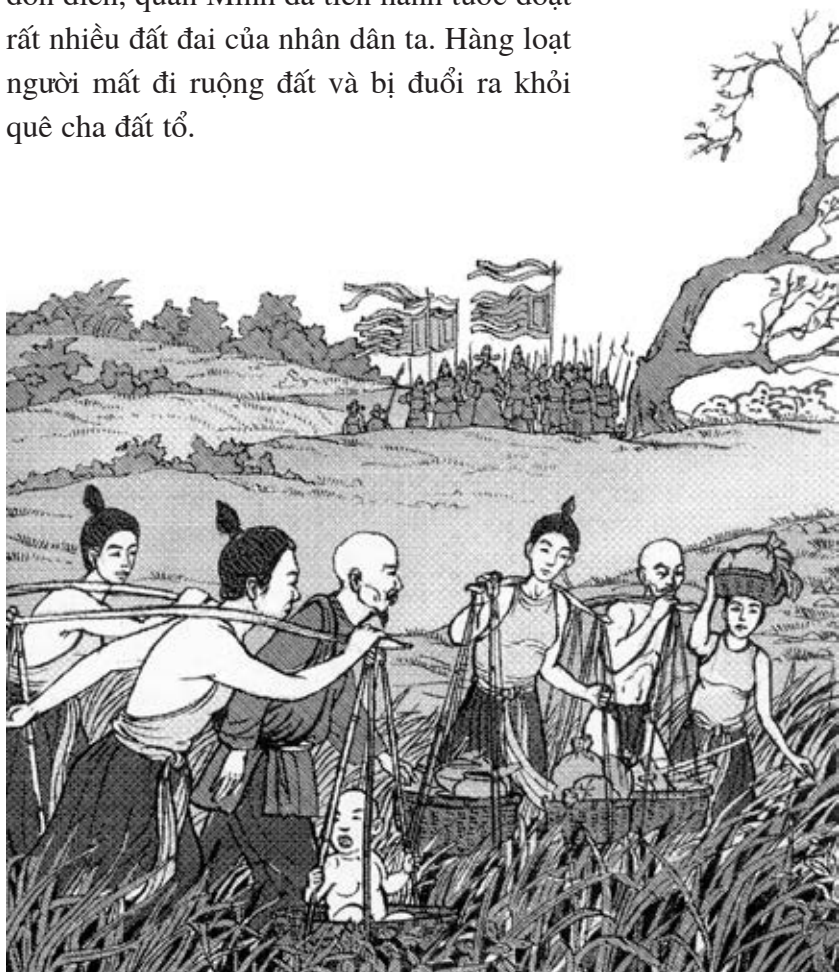


Bất cứ ai buôn muối hoặc chuyên chở muối mà không có giấy khám hợp đều bị quân Minh trị tội rất nặng. Chúng còn quy định mỗi người đi đường chỉ được mang theo tối đa là ba bát muối và một lọ mắm. Năm Quý Tỵ (1413), tướng giặc là Trương Phụ từng nhiều lần sai quân lính đem muối đi đổi lương thực và thực phẩm. Đối với vùng rừng núi và trung du, chúng bán muối với giá rất cao.



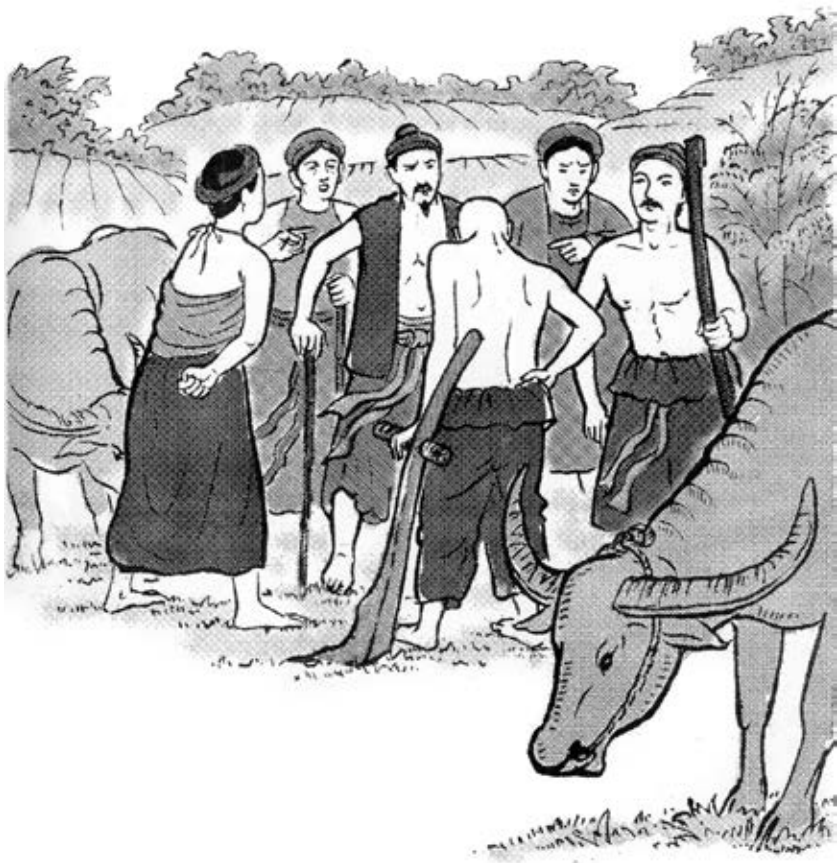
Càng ngày, sức chống trả của nhân dân ta càng quyết liệt, vì vậy giặc Minh càng phải tăng cường lực lượng. Nhưng số quân tăng kéo theo nhu cầu về binh lương cũng tăng. Những biện pháp bóc lột với nhiều mách khéo nói trên vẫn không thể giúp quân Minh có đủ quân lương. Năm Đinh Dậu (1417), tướng giặc là Trần Trí tâu về triều rằng, mỗi năm quan quân nhà Minh ở nước ta cần đến 692.400 thạch lương nhưng chúng chỉ mới thu được 57.700 thạch.

Vì thế, năm Tân Sửu (1421), tướng giặc là Lý Bân đã đề ra kế hoạch lập đồn điền, bắt quân đội phải làm ruộng để tự túc một phần lương thực và thực phẩm. Mỗi đồn điền là một đơn vị quân đội, vừa sản xuất vừa khống chế nhân dân các vùng xung quanh. Để lập đồn điền, quân Minh đã tiến hành tước đoạt rất nhiều đất đai của nhân dân ta. Hàng loạt người mất đi ruộng đất và bị đuổi ra khỏi quê cha đất tổ.



Lý Bân quy định, tất cả quân lính ở Tả quân, Hữu quân, Trung quân, Tiền quân (tên bốn đơn vị quân chủ lực của nhà Minh) đều phải chia nhau đi làm đồn điền. Lính Minh thì cứ mười người lấy từ một đến ba người, lính Việt thì lấy từ sáu đến bảy người, tùy theo từng vùng. Ở một số đơn vị đặc biệt như đơn vị đóng ở vùng Diễn Châu (Nghệ An ngày nay) thì quân lính người Minh không đi làm đồn điền mà giao hết cho binh lính người Việt.



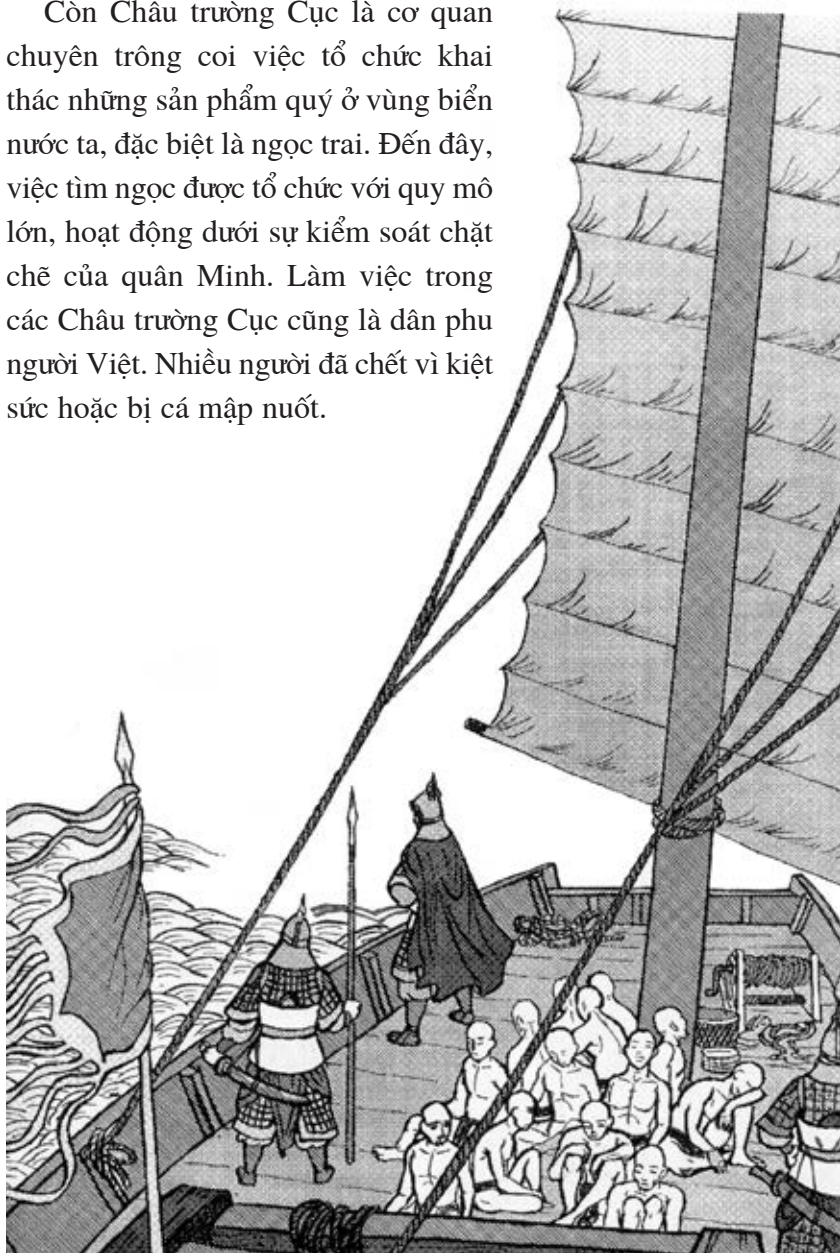


Như vậy, chính sách lập đồn điền thực chất chỉ là nhằm tước đoạt ruộng đất của nhân dân ta chứ không phải là dùng quân đội vào việc khẩn hoang, mở mang diện tích canh tác. Cai quản đồn điền là quân Minh nhưng lực lượng sản xuất chủ yếu trong đồn điền lại là binh lính người Việt. Nhà Minh muốn thông qua đồn điền để vừa có lương ăn vừa chia rẽ người Việt, tạo ra sự ngộ nhận rằng binh sĩ người Việt đi tước ruộng đất của người Việt.

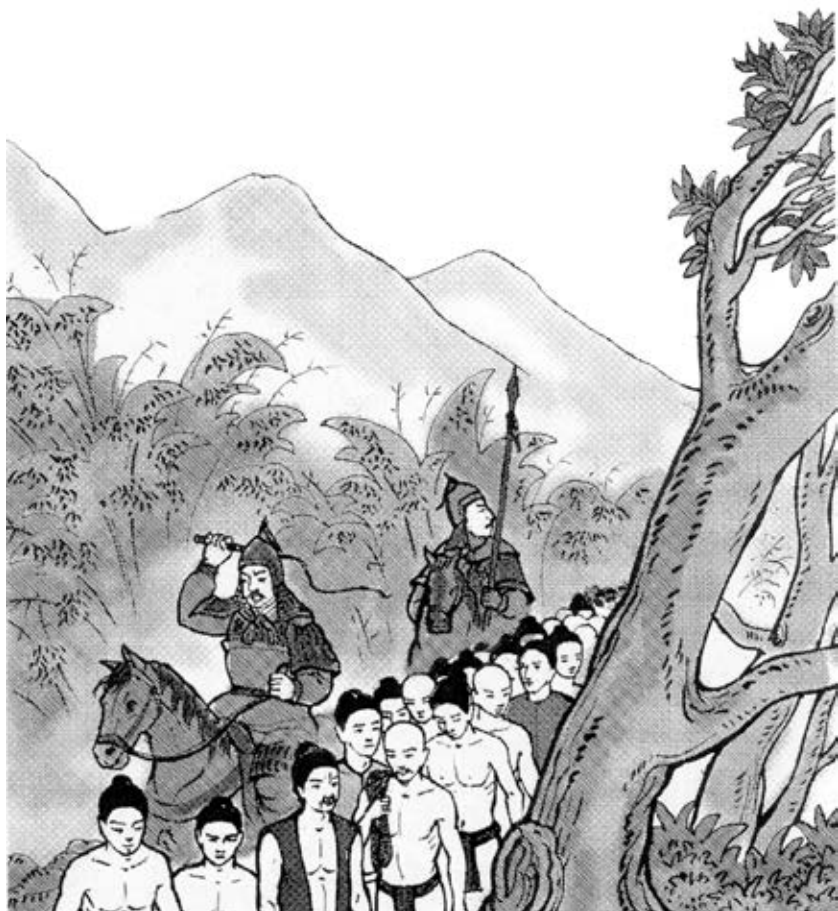
Nhận thấy cách thu cống phẩm như buổi đầu mới xâm lược nước ta không còn thích hợp, giặc Minh lập ra hai cơ quan là *Kim trường Cục* và *Châu trường Cục*. Kim trường Cục chuyên trông coi việc tổ chức khai mỏ, đặc biệt là mỏ vàng và mỏ bạc. Lực lượng lao động trong các Kim trường Cục là dân phu người Việt. Họ phải làm việc chẳng khác gì tù khổ sai. Bấy giờ trên đất nước ta có tất cả năm Kim trường Cục, tập trung thường xuyên hàng ngàn dân phu.



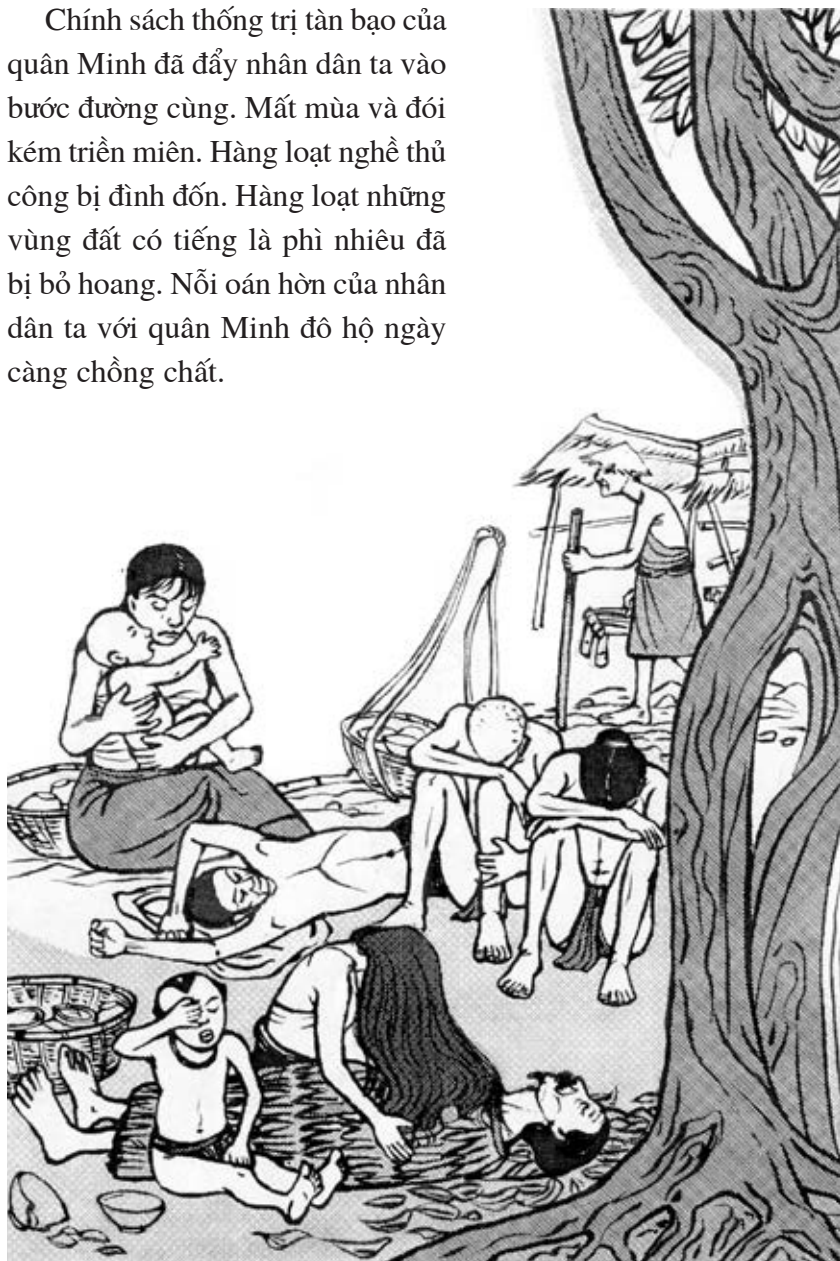
Còn Châu trường Cục là cơ quan chuyên trông coi việc tổ chức khai thác những sản phẩm quý ở vùng biển nước ta, đặc biệt là ngọc trai. Đến đây, việc tìm ngọc được tổ chức với quy mô lớn, hoạt động dưới sự kiểm soát chặt chẽ của quân Minh. Làm việc trong các Châu trường Cục cũng là dân phu người Việt. Nhiều người đã chết vì kiệt sức hoặc bị cá mập nuốt.

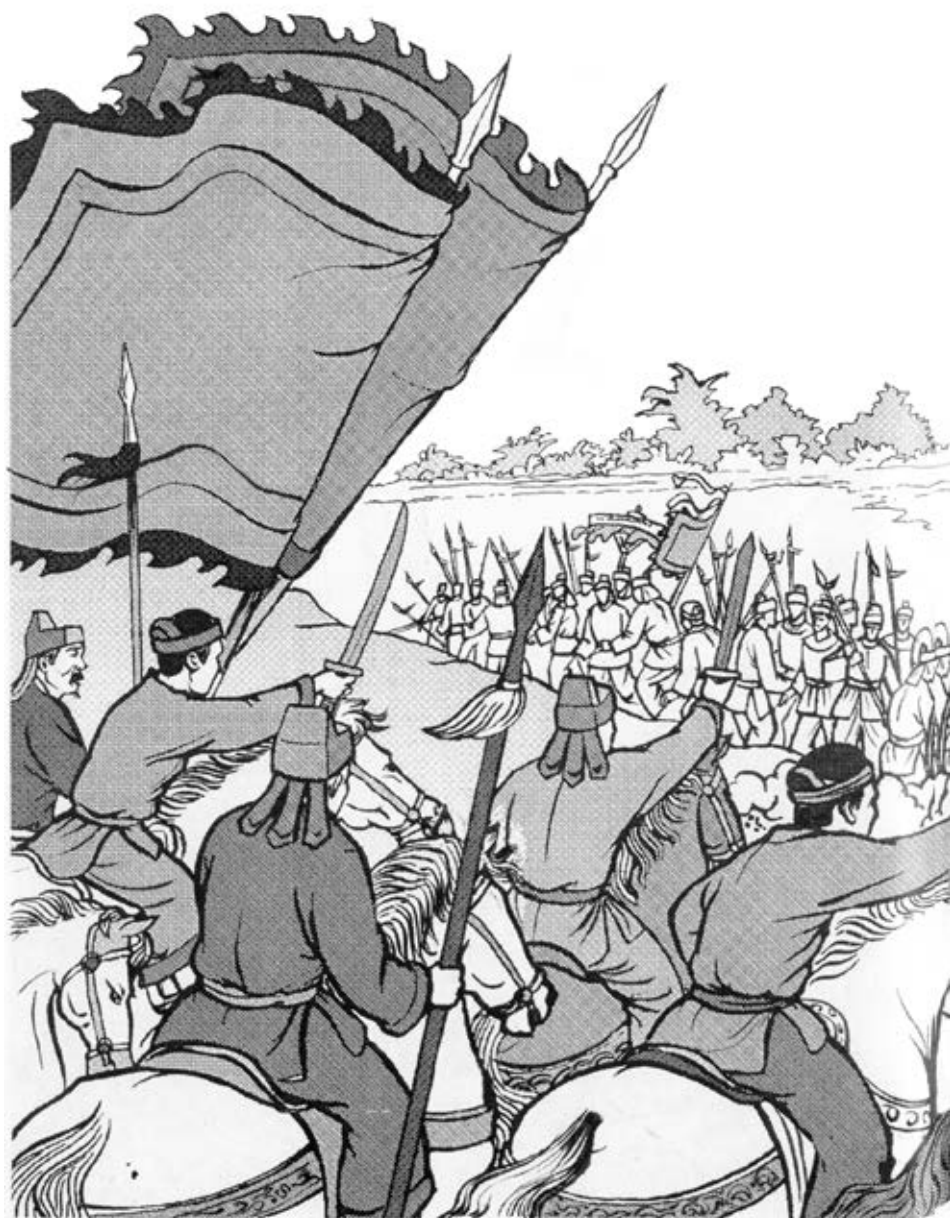


Bấy giờ, do tham lam, muốn có những vật quý lạ, triều đình nhà Minh liền tiếp xuống lệnh bắt dân ta phải đi tìm các loài thú kỳ dị như: Hươu trắng, voi trắng, vượn bạc má, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao, rùa chín đuôi hoặc có chữ trên mai v.v... Công việc này cũng đã khiến dân ta hao tổn không biết bao nhiêu công sức, tiền của và ngay cả tính mạng. Nhiều người đã bỏ xác nơi rừng sâu núi hiểm.



Chính sách thống trị tàn bạo của quân Minh đã đẩy nhân dân ta vào bước đường cùng. Mất mùa và đói kém triền miên. Hàng loạt nghề thủ công bị đình đốn. Hàng loạt những vùng đất có tiếng là phì nhiêu đã bị bỏ hoang. Nỗi oán hờn của nhân dân ta với quân Minh đô hộ ngày càng chồng chất.





Sự bàn bạo của giặc Minh đã thức tỉnh tinh thần phản kháng mạnh mẽ của nhân dân ta. Giặc càng đàn áp bóc lột nặng nề, phong trào đấu tranh của nhân dân ta lại càng quyết liệt. Dưới thời thuộc Minh, dù giặc thi hành những hình phạt man rợ và khống chế bằng mọi cách, vẫn có hàng loạt cuộc khởi nghĩa nổ ra. Trong đó, cuộc khởi nghĩa to lớn nhất, tiêu biểu nhất là khởi nghĩa do Trần Ngỗi và Trần Quý Khoáng lãnh đạo, nổi dậy vào tháng 10 năm 1407 ở xã Mô Độ, Trường Yên (nay là Yên Mô, Ninh Bình).



Trần Ngỗi cũng tức là Trần Quĩ, hiệu là Giản Định, vốn là hoàng tử thứ tám của vua Trần Nghệ Tông (1370-1372). Thời Hồ (1400-1407), nhiều quý tộc họ Trần bị giết hại nhưng Trần Ngỗi vẫn được bình an vô sự. Năm 1407, khi quân Minh xâm lược thống trị nước ta, Trần Ngỗi lánh nạn ở phủ Trường Yên (Ninh Bình) cùng với thân quyến và một số gia khách của mình.



Khi khởi nghĩa, để có danh nghĩa chính thống hiệu triệu nhân dân. Trần Ngỗi tự xưng là Giản Định đế. Bấy giờ, hào kiệt bốn phương, đặc biệt là những người còn nặng lòng với họ Trần, cùng nghĩa sĩ khắp nơi, đã nô nức kéo về Trường Yên tụ nghĩa. Trong số các bậc hào kiệt lúc bấy giờ, nổi bật hơn cả là cha con Đặng Tất và Đặng Dung, cha con Nguyễn Cảnh Chân và Nguyễn Cảnh Dị, Thái học sinh Nguyễn Biểu. Họ là những người có tài cầm quân, khí phách mạnh mẽ hơn người, xông pha trận mạc không chút sợ hãi. Chính họ là chỗ dựa tin cậy của Giản Định đế.



Đặng Tất là người làng Phù Lưu, huyện Thiên Lộc (nay thuộc huyện Can Lộc), tỉnh Hà Tĩnh. Hiện vẫn chưa biết ông sinh vào năm nào. Thời Hồ, Đặng Tất được giao chức Đại Tri châu, đứng đầu châu Thăng Hoa^(*). Khi quân Minh xâm lược và đô hộ nước ta, Đặng Tất vẫn được tiếp tục cai quản châu Thăng Hoa như cũ.

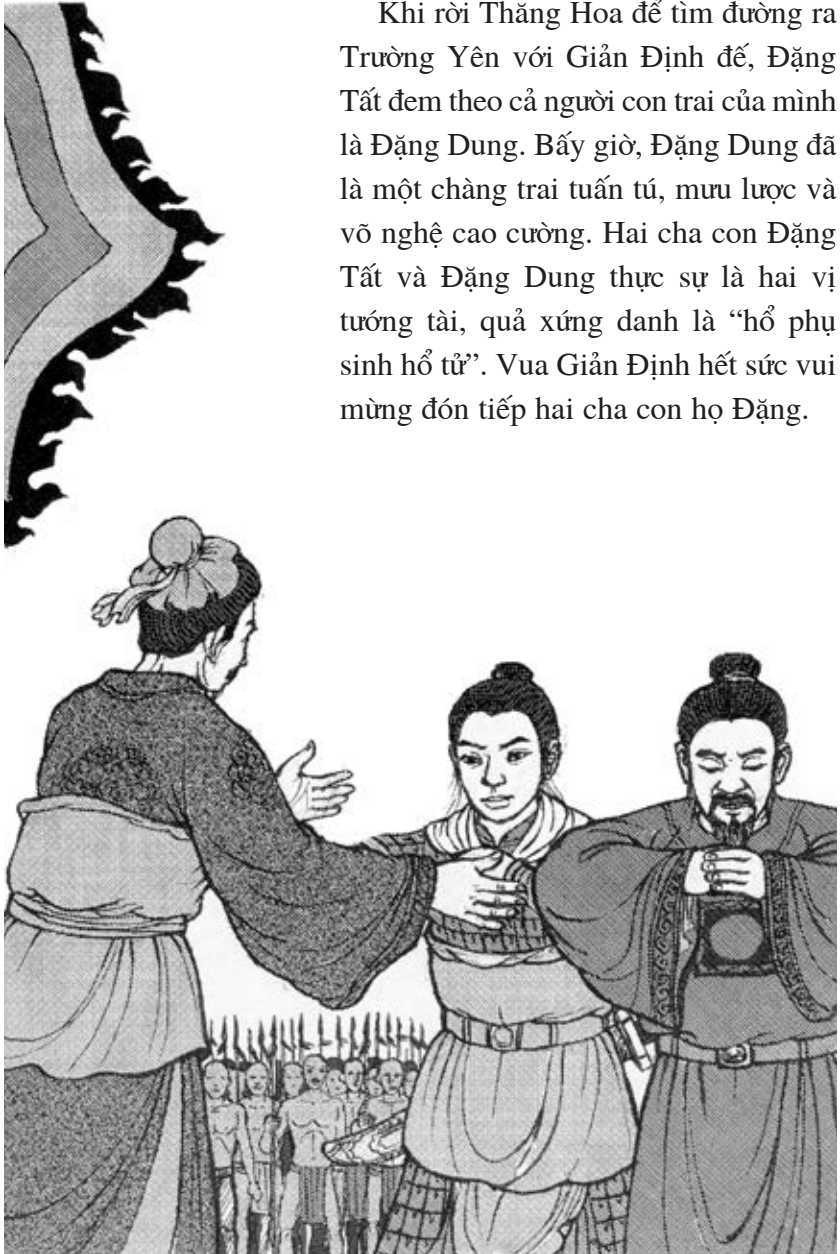
** Châu này tương ứng với đất Quảng Nam - Đà Nẵng bây giờ.*



Lúc đầu, cũng như một số người khác, Đặng Tất có chút mơ hồ trước chiêu bài “phù Trần diệt Hồ” của quân Minh. Nhưng, chẳng bao lâu sau đó, ông đã tỉnh ngộ. Ông thấy rõ, quân Minh chỉ là lũ cướp nước hại dân và hợp tác với quân Minh là có tội với đất nước. Bởi vậy, ngay khi được tin Trần Ngỗi lên ngôi hoàng đế và hiệu triệu dân chúng nổi dậy chống quân Minh, ông liền lập tức theo về.



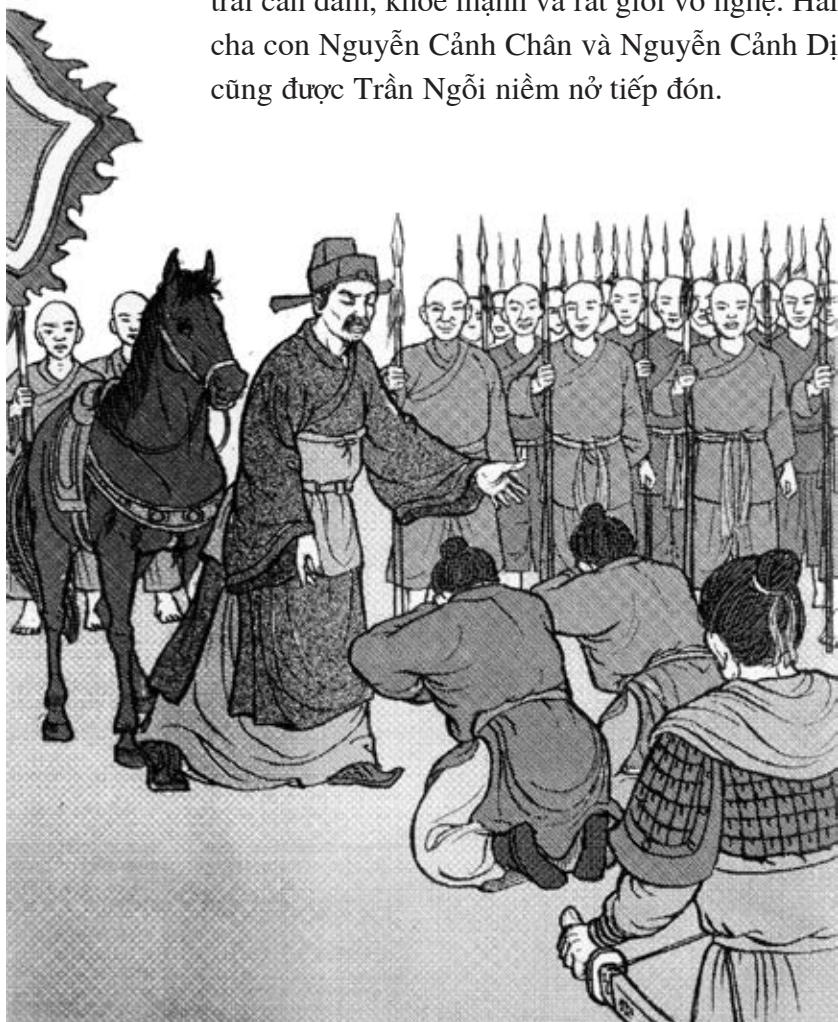
Khi rời Thăng Hoa để tìm đường ra Trường Yên với Giản Định đế, Đặng Tất đem theo cả người con trai của mình là Đặng Dung. Bấy giờ, Đặng Dung đã là một chàng trai tuấn tú, mưu lược và võ nghệ cao cường. Hai cha con Đặng Tất và Đặng Dung thực sự là hai vị tướng tài, quả xứng danh là “hổ phụ sinh hổ tử”. Vua Giản Định hết sức vui mừng đón tiếp hai cha con họ Đặng.



Còn Nguyễn Cảnh Chân người làng Ngọc Sơn (nay thuộc huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An). Ông sinh năm nào và sau khi nhà Hồ bại vong, ông sống ra sao và làm gì chưa rõ, chỉ biết dưới thời nhà Hồ, ông đã từng làm quan, từng được vua nhà Hồ là Hồ Hán Thương ủy thác việc lập mưu để đón đánh tên phản quốc Trần Thiêm Bình khi hấn được nhà Minh hộ tống về nước ta để mở đường cho cuộc xâm lăng mà quân Minh sắp sửa tiến hành.



Cũng như Đặng Tất, ngay khi vừa nghe tin Trần Ngỗi dựng cờ khởi nghĩa đánh đuổi quân Minh, Nguyễn Cảnh Chân liền theo về. Khi đi ông mang theo cả người con trai của mình là Nguyễn Cảnh Dị. Bấy giờ, Nguyễn Cảnh Dị cũng là một chàng trai can đảm, khỏe mạnh và rất giỏi võ nghệ. Hai cha con Nguyễn Cảnh Chân và Nguyễn Cảnh Dị cũng được Trần Ngỗi niềm nở tiếp đón.



Khác với Đặng Tất và Nguyễn Cảnh Chân, Nguyễn Biểu không có con trai đi cùng nhưng lại đem theo một đội dân binh khá đông đảo. Ông người xã Bình Hồ, huyện Chi La (nay thuộc huyện Đức Thọ), tỉnh Hà Tĩnh. Sử cũ không ghi chép nhưng theo nhiều nhà nghiên cứu lịch sử thời này thì Nguyễn Biểu từng đỗ Thái học sinh (tức Tiến sĩ) vào cuối thời Trần và từng được vua Trần trao chức Điện tiền Thị Ngự sử. Khi quân Minh xâm lược, ông trốn về quê. Ông đến với Trần Ngỗi muộn hơn Đặng Tất và Nguyễn Cảnh Chân.



Sát cánh với Trần Ngỗi, ngoài những bậc hào kiệt kể trên, còn có nhiều dũng tướng khác. Trong số này, đặc biệt hơn cả là Nguyễn Sứ. Sử cũ không cho biết gì về quê quán và năm sinh của ông nhưng lại cho biết khá rõ rằng ông chính là người đã nhiều phen khiến cho quân Minh khiếp đảm, là một trong những trụ cột của cuộc khởi nghĩa.

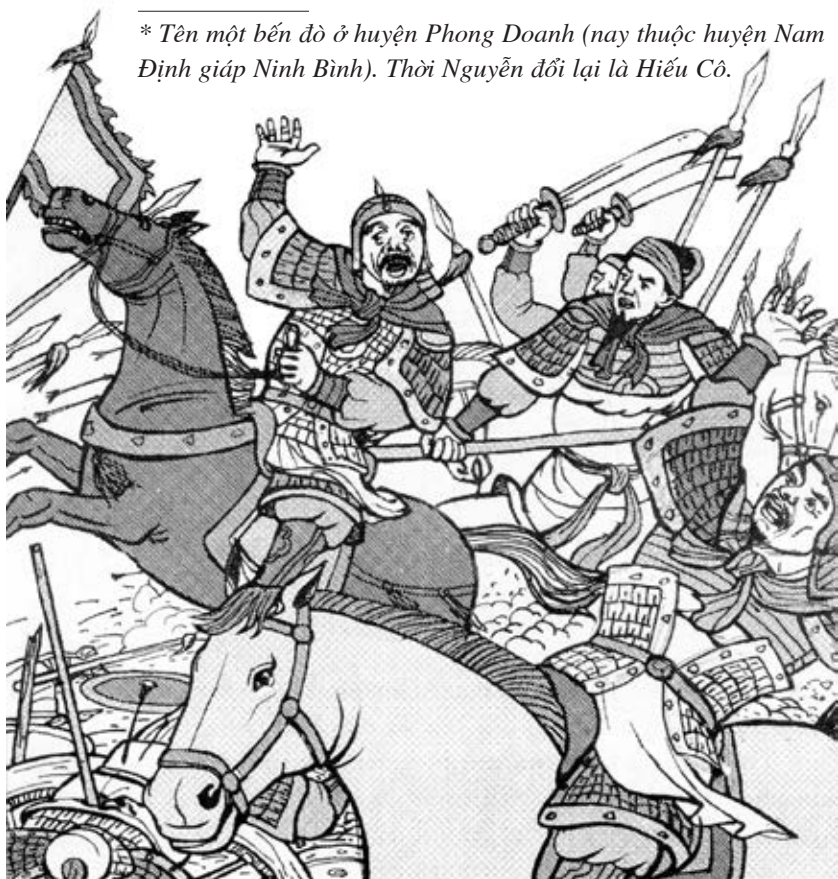


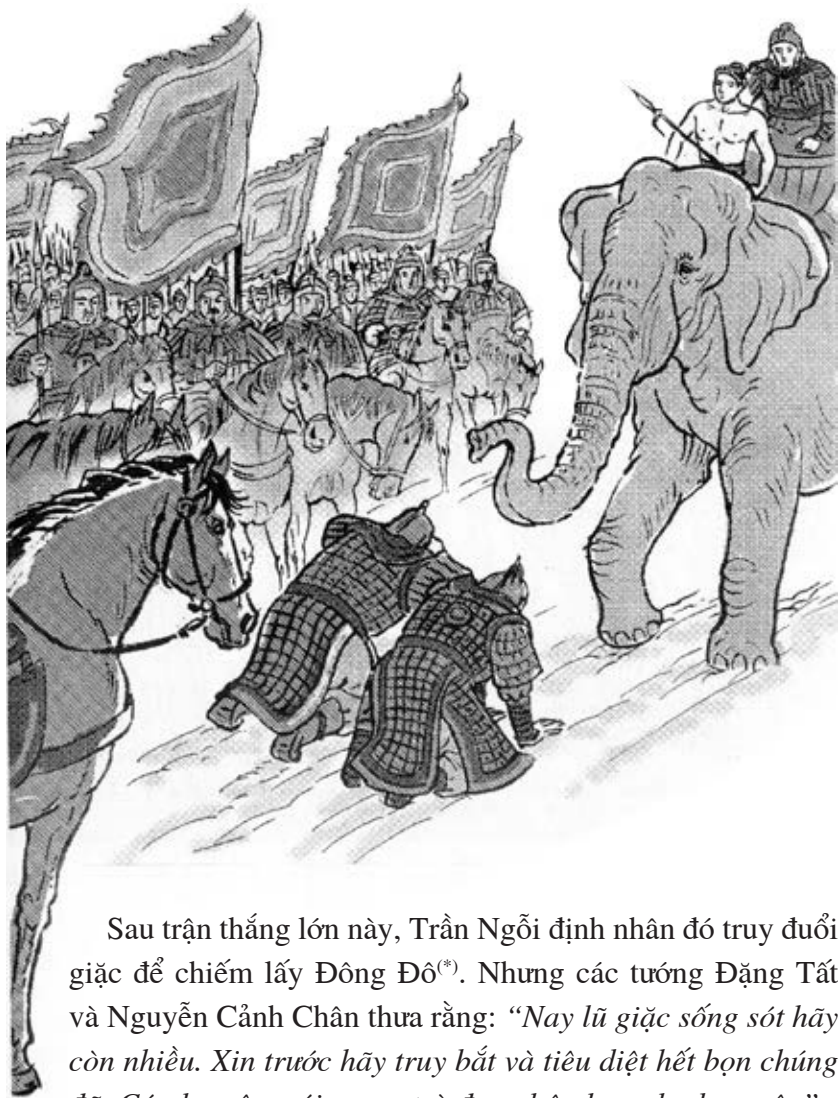


Khẩu hiệu mà Trần Ngỗi đưa ra khi phát động khởi nghĩa là đánh đuổi quân Minh, giành lại độc lập và dựng lại triều Trần. Nhưng vì triều Trần sau này đã suy yếu nên nhiều người khước từ tham gia nghĩa binh. Dù vậy, chỉ trong một thời gian rất ngắn, nghĩa quân Trần Ngỗi đã chiếm được gần trọn một vùng đất rộng lớn từ huyện Yên Mô của Ninh Bình ngày nay trở vào Nam.

Trong vòng một năm, nghĩa quân Trần Ngỗi đã đánh rất nhiều trận lớn nhỏ, trong đó nổi bật nhất, giành thắng lợi quan trọng nhất là trận Bô Cô^(*) xảy ra vào tháng 12 năm Mậu Tý (1408). Trong trận này, đích thân Trần Ngỗi đánh trống thúc giục quân sĩ. Giặc bị tổn thất rất lớn. Quan giữ chức Thượng thư bộ Binh của nhà Minh là Lưu Tuấn và tướng giặc là Lữ Nghị bị chém đầu tại trận. Một tướng khét tiếng khác của giặc là Tây Bình hầu Mộc Thạnh phải mở đường máu, bỏ cả quân sĩ chạy thực mạng mới thoát thân.

** Tên một bến đò ở huyện Phong Doanh (nay thuộc huyện Nam Định giáp Ninh Bình). Thời Nguyễn đổi lại là Hiếu Cô.*





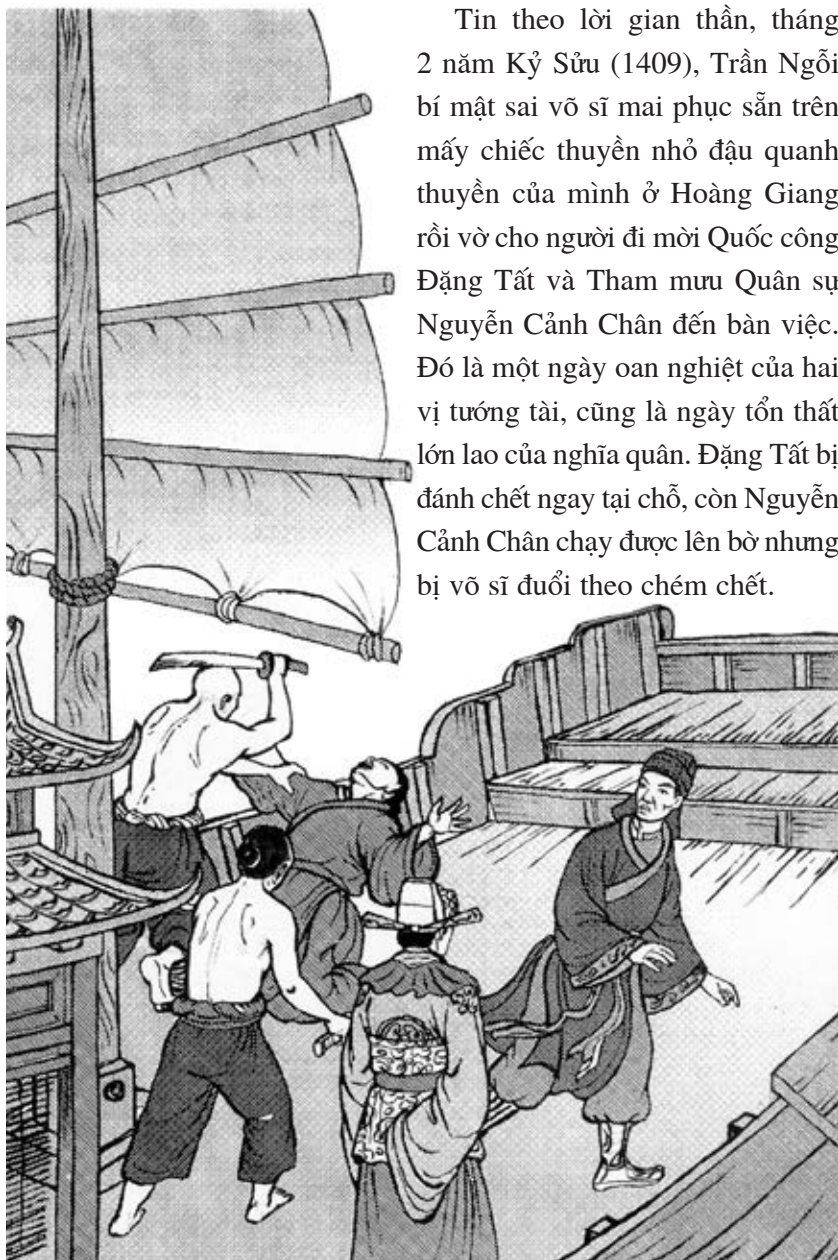
Sau trận thắng lớn này, Trần Ngỗi định nhân đó truy đuổi giặc để chiếm lấy Đông Đô^(*). Nhưng các tướng Đặng Tất và Nguyễn Cảnh Chân thưa rằng: “*Nay lũ giặc sống sót hã còn nhiều. Xin trước hã truy bắt và tiêu diệt hết bọn chúng đã. Có như vậy mới mong trừ được hậu họa cho ba quân*”.

* Thời Hồ đổi gọi Thăng Long là Đông Đô để phân biệt với Tây Đô ở Thanh Hóa. Xem Hồ Quý Ly vị vua nhiều cải cách.



Lời tâu khảng khái nhưng trái ý của Đặng Tất và Nguyễn Cảnh Chân đã khiến Trần Ngỗi rất tức giận. Trong số những kẻ hầu cận của Trần Ngỗi có hai tên nịnh thần rất xảo quyệt là hoạn quan Nguyễn Quý và học sinh^(*) Nguyễn Mộng Trang. Vốn ghen ghét với hai vị tướng tài được trọng dụng, hai tên này đã gièm pha: *“Từ lâu cả hai đã dám chuyên quyền, tự ý cất nhắc bọn tay chân và thải hồi chức tước của những ai không cùng phe cánh. Nếu không sớm liệu trừ khử đi thì sợ sẽ không tránh nổi tai họa về sau”*.

(*) Tên này từng có một thời đèn sách nhưng không đỗ đạt nên sử cũ gọi như vậy.



Tin theo lời gian thần, tháng 2 năm Kỷ Sửu (1409), Trần Ngỗi bí mật sai võ sĩ mai phục sẵn trên mấy chiếc thuyền nhỏ đậu quanh thuyền của mình ở Hoàng Giang rồi chờ cho người đi mời Quốc công Đặng Tất và Tham mưu Quân sự Nguyễn Cảnh Chân đến bàn việc. Đó là một ngày oan nghiệt của hai vị tướng tài, cũng là ngày tổn thất lớn lao của nghĩa quân. Đặng Tất bị đánh chết ngay tại chỗ, còn Nguyễn Cảnh Chân chạy được lên bờ nhưng bị võ sĩ đuổi theo chém chết.

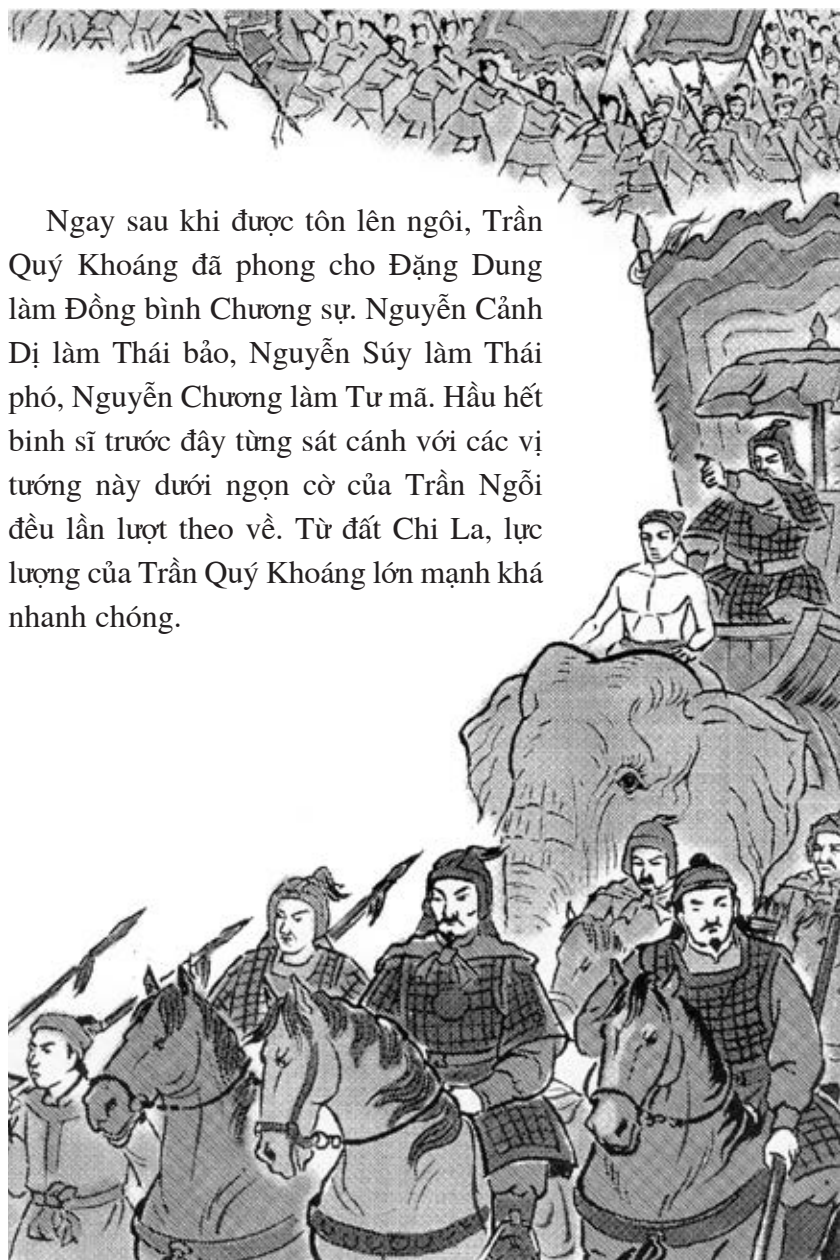
Chỉ vì một lời dèm pha mà Trần Ngỗi đã giết cả hai vị tướng tài, hành vi này chẳng khác gì tự mình chặt đứt cánh tay của mình. Không ít quân sĩ của Trần Ngỗi thất vọng rồi chán nản bỏ đi. Bấy giờ Đặng Dung và Nguyễn Cảnh Dị tuy uất hận Trần Ngỗi không ít nhưng vì lòng yêu nước thiết tha, lòng căm thù quân Minh mãnh liệt, hai ông nhất quyết không rời bỏ sự nghiệp cứu nước. Tuy vậy, hai ông cũng bàn nhau đi tìm một vị minh chủ khác thay thế cho Trần Ngỗi, nhằm tiếp tục đưa cuộc khởi nghĩa đến thắng lợi cuối cùng.



Việc làm của hai ông được các tướng lĩnh khác như Nguyễn Súy và Nguyễn Chương ủng hộ. Tháng 3 năm Kỷ Sửu (1409), Đặng Dung và Nguyễn Cảnh Dị đến Chi La (nay thuộc huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh). Tại đây, hai ông đã gặp được Trần Quý Khoáng^(*), con của Trần Ngạc và là cháu của Trần Nghệ Tông, đang cùng thân quyến ẩn ở đây. Để có danh nghĩa chính thống, họ đã cùng nhau tôn Trần Quý Khoáng lên làm vua, đó chính là Trùng Quang đế.

^{*} Còn gọi là Trần Quý Khoách, cháu gọi Trần Ngỗi bằng chú ruột.





Ngay sau khi được tôn lên ngôi, Trần Quý Khoáng đã phong cho Đặng Dung làm Đồng bình Chương sự, Nguyễn Cảnh Dị làm Thái bảo, Nguyễn Súly làm Thái phó, Nguyễn Chương làm Tư mã. Hầu hết binh sĩ trước đây từng sát cánh với các vị tướng này dưới ngọn cờ của Trần Ngỗi đều lần lượt theo về. Từ đất Chi La, lực lượng của Trần Quý Khoáng lớn mạnh khá nhanh chóng.

Nhận thấy một cuộc khởi nghĩa cùng đánh một kẻ thù không thể có hai vua ở hai nơi khác nhau, Đặng Dung và Nguyễn Cảnh Dị dẹp nổi thù riêng, bàn với Nguyễn Súy và Nguyễn Chương bí mật bắt sống Trần Ngỗi về Chí La. Sau đó, Trần Ngỗi được tôn làm Thượng hoàng, cùng với Trần Quý Khoáng mưu tính việc khôi phục giang sơn. Việc làm này thật tốt đẹp, thực sự vì đại nghĩa. Bởi thế, sử cũ chép rằng, đó là một ngày trời quang mây tạnh, bốn phía bỗng có ánh sắc vàng.



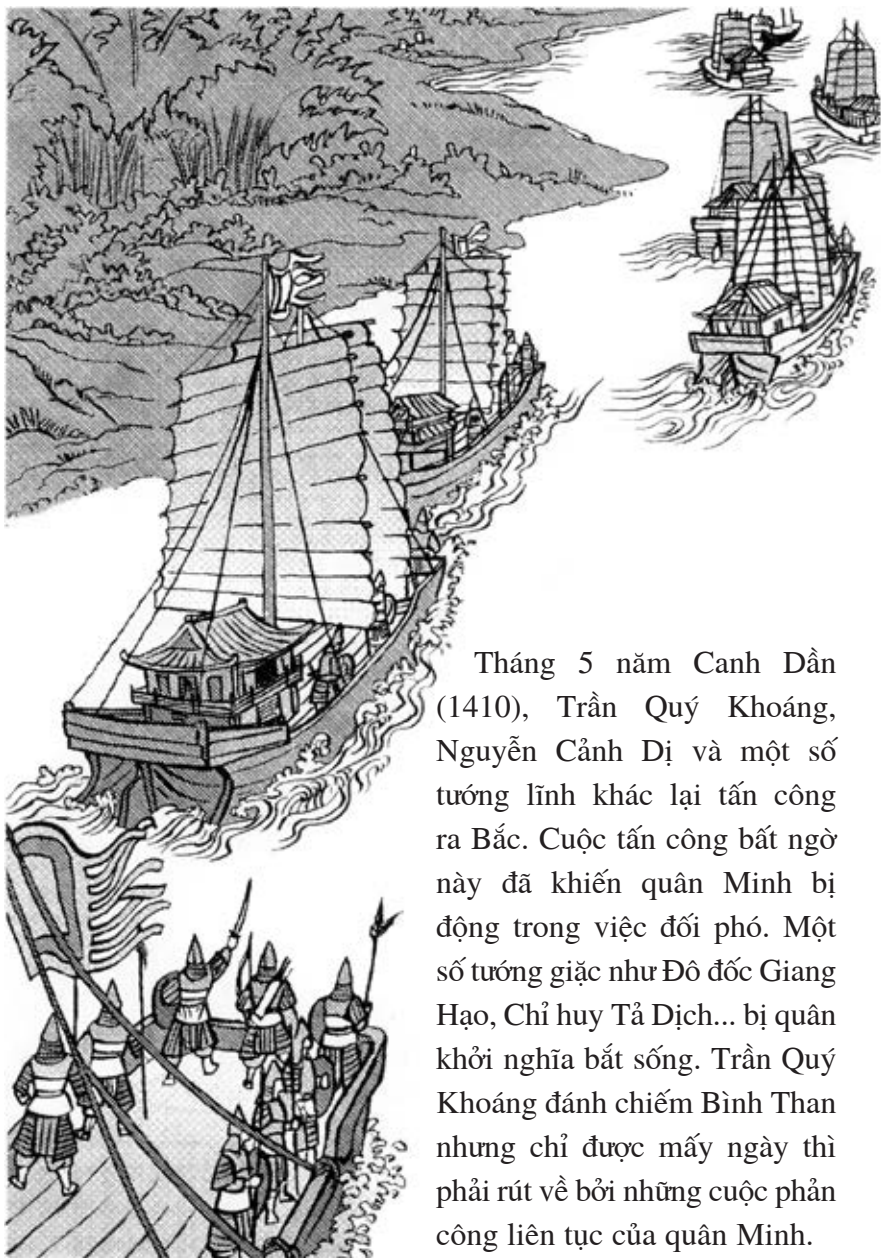
Tháng 7 năm Kỷ Sửu (1409), Trần Ngỗi và Trần Quý Khoáng chia quân tiến thẳng ra Bắc. Trần Ngỗi đánh vào vùng Hạ Hồng (nay thuộc Hưng Yên), còn Trần Quý Khoáng đánh vào khu vực bến Bình Than (nay thuộc Hải Dương). Nhưng không may, cũng vào tháng này, nhà Minh lại sai Trương Phụ đem quân sang đàn áp. Thế giặc mạnh, vì vậy trong trận độ sức đầu tiên, Trần Ngỗi bị thua phải chạy về vùng Ninh Bình ngày nay. Trương Phụ đuổi theo, bắt sống Trần Ngỗi tại Mỹ Lương^(*) rồi cho người giải về Trung Quốc.

** Nay là một phần huyện Chương Mỹ (Hà Nội) và huyện Lương Sơn (Hòa Bình).*





Sau đó, Trương Phụ dốc toàn lực tấn công Trần Quý Khoáng. Trần Quý Khoáng thất bại phải rút về Chi La, Trương Phụ mặc sức cho quân đàn áp và cướp bóc. Giặc gây ra không biết bao nhiêu điều tàn bạo như: mổ bụng những người đàn bà có chồng tham gia nghĩa binh, cắt tai và xẻo mũi tất cả những ai có ý chống đối,... với hy vọng sẽ dập tắt được ngọn lửa đấu tranh của nhân dân ta.



Tháng 5 năm Canh Dần (1410), Trần Quý Khoáng, Nguyễn Cảnh Dị và một số tướng lĩnh khác lại tấn công ra Bắc. Cuộc tấn công bất ngờ này đã khiến quân Minh bị động trong việc đối phó. Một số tướng giặc như Đô đốc Giang Hạo, Chỉ huy Tả Dịch... bị quân khởi nghĩa bắt sống. Trần Quý Khoáng đánh chiếm Bình Than nhưng chỉ được mấy ngày thì phải rút về bởi những cuộc phản công liên tục của quân Minh.

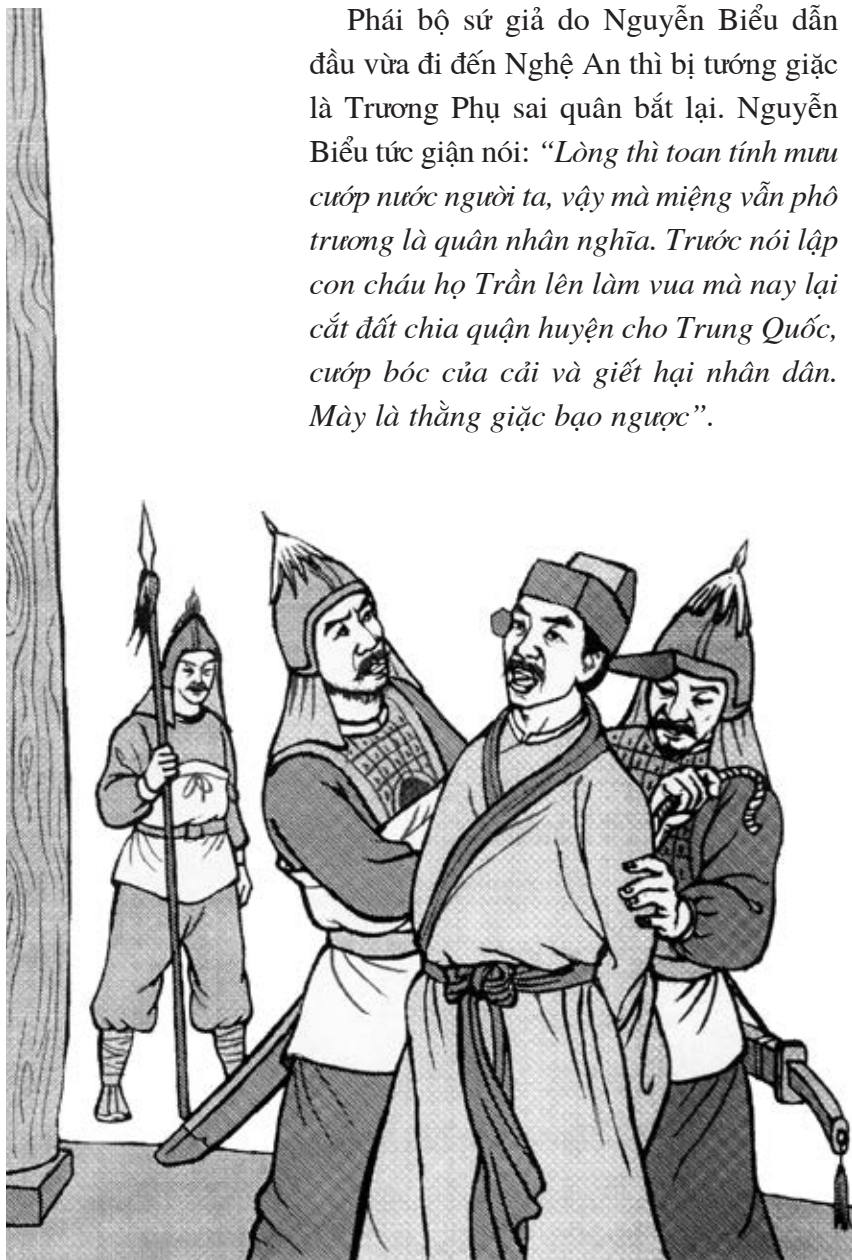


Tháng 9 năm Tân Mão (1411), Trần Quý Khoáng sai quan Hành khiển Hồ Nghiện Thần và quan Thảm hình Bùi Nột Ngôn đi sứ sang nhà Minh để cầu phong. Đây là một việc làm thật khó hiểu bởi đã tâm cướp nước của nhà Minh lúc này đã quá rõ ràng. Hơn nữa, trước đó, các sứ thần do Trần Quý Khoáng sai đi như Hành khiển Nguyễn Nhật Ty, Thảm hình Lê Ngân... đều đã bị nhà Minh nhốt giết.

Những năm 1412 và 1413 là những năm liên tiếp thất bại của nghĩa quân. Tháng 4 năm Quý Tỵ (1413), Trần Quý Khoáng phải chạy về Hóa châu (thuộc vùng Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên - Huế ngày nay). Tại đây, Trần Quý Khoáng lại tiếp tục sai Nguyễn Biểu đem lễ vật sang nhà Minh để cầu phong.



Phái bộ sứ giả do Nguyễn Biểu dẫn đầu vừa đi đến Nghệ An thì bị tướng giặc là Trương Phụ sai quân bắt lại. Nguyễn Biểu tức giận nói: “Lòng thì toan tính mưu cướp nước người ta, vậy mà miệng vẫn phô trương là quân nhân nghĩa. Trước nói lập con cháu họ Trần lên làm vua mà nay lại cắt đất chia quận huyện cho Trung Quốc, cướp bóc của cải và giết hại nhân dân. Mày là thằng giặc bạo ngược”.



Thấy Nguyễn Biểu là con người có khí tiết, dám nói thẳng, Trương Phụ rất nể, sai người cởi trói cho ông và cùng ông tranh luận. Những lý lẽ mà Trương Phụ nêu ra, Nguyễn Biểu ứng đối một cách tự nhiên, sắc bén và trôi chảy. Trương Phụ rất tức giận nhưng trong lòng vẫn cảm phục tài năng và khí phách của vị sứ thần đặc biệt này.

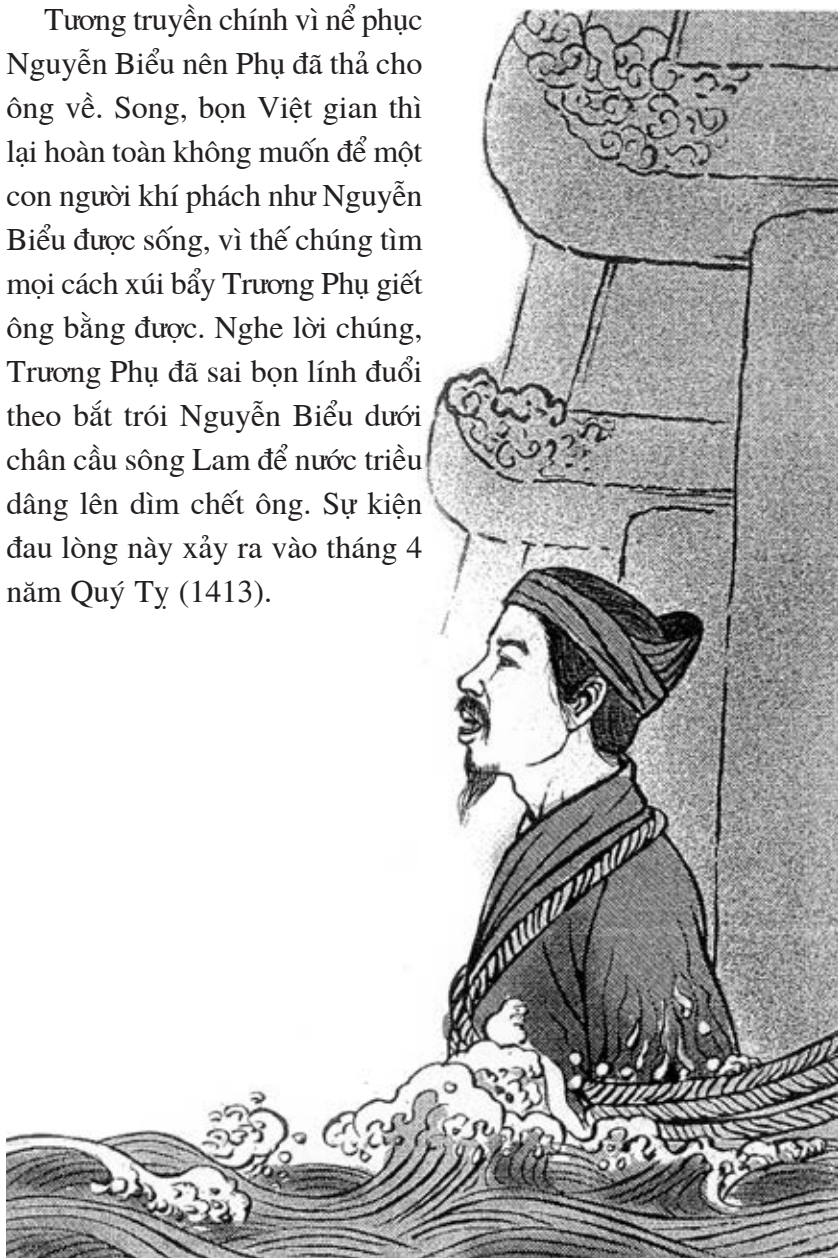


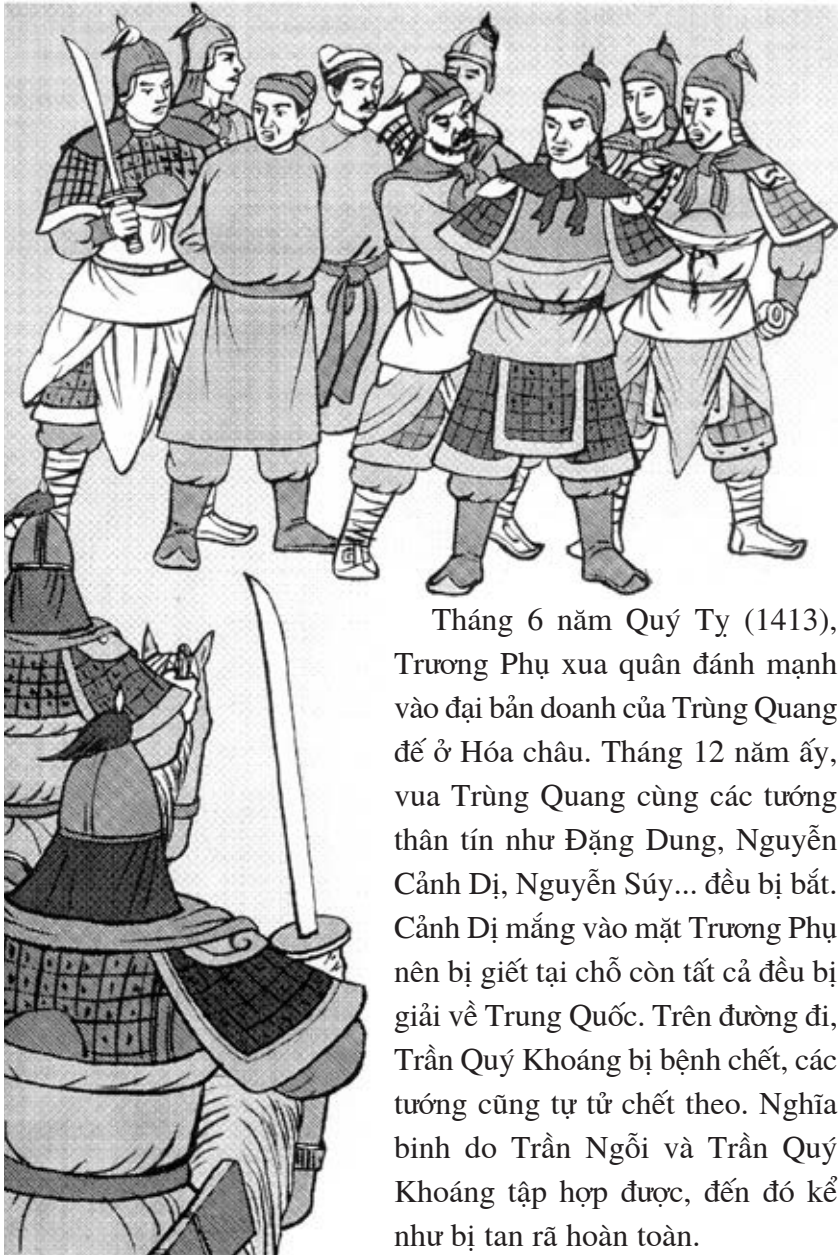
Để thử gan Nguyễn Biểu, Trương Phụ sai người cho ông một mâm cỗ, trên đó chỉ bày duy nhất một cái đầu người mới lược. Ai trông thấy cũng đều phát khiếp, nhưng Nguyễn Biểu thì chẳng chút sợ hãi, nói: “*Người Nam ta mà được ăn đầu người Bắc a?*”. Rồi ông ung dung ngồi ăn, vừa ăn vừa rung đùi làm bài thơ *Ăn cỗ đầu người*(^{*}).

^{*} Xem phần phụ lục.



Tương truyền chính vì nể phục Nguyễn Biểu nên Phụ đã thả cho ông về. Song, bọn Việt gian thì lại hoàn toàn không muốn để một con người khí phách như Nguyễn Biểu được sống, vì thế chúng tìm mọi cách xúi bẩy Trương Phụ giết ông bằng được. Nghe lời chúng, Trương Phụ đã sai bọn lính đuổi theo bắt trói Nguyễn Biểu dưới chân cầu sông Lam để nước triều dâng lên chìm chết ông. Sự kiện đau lòng này xảy ra vào tháng 4 năm Quý Ty (1413).





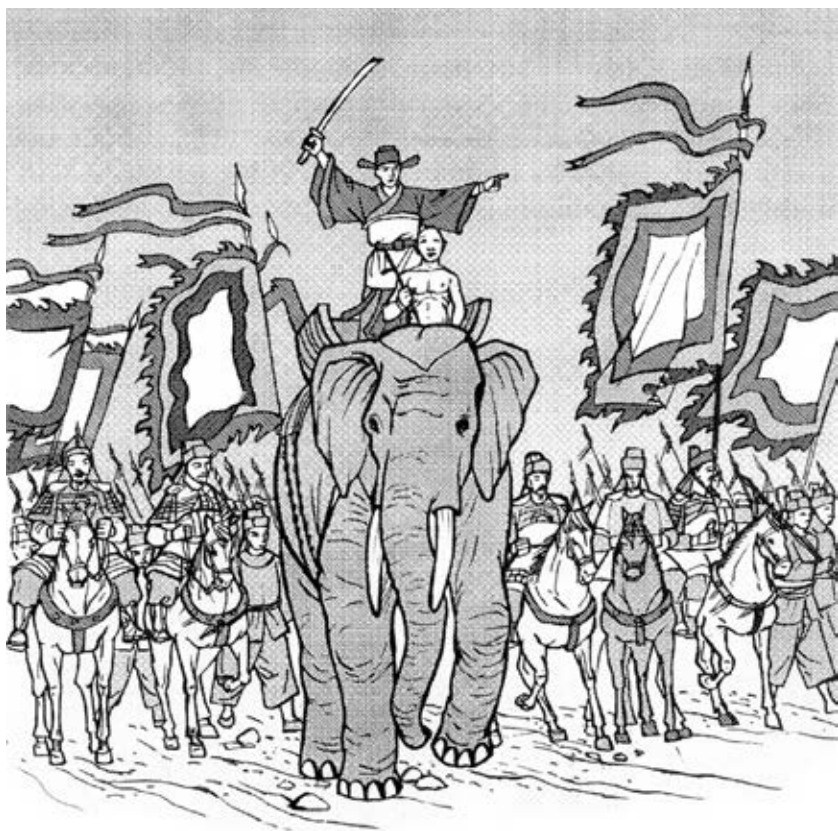
Tháng 6 năm Quý Tỵ (1413), Trương Phụ xua quân đánh mạnh vào đại bản doanh của Trùng Quang để ở Hóa châu. Tháng 12 năm ấy, vua Trùng Quang cùng các tướng thân tín như Đặng Dung, Nguyễn Cảnh Dị, Nguyễn Súy... đều bị bắt. Cảnh Dị mắng vào mặt Trương Phụ nên bị giết tại chỗ còn tất cả đều bị giải về Trung Quốc. Trên đường đi, Trần Quý Khoáng bị bệnh chết, các tướng cũng tự tử chết theo. Nghĩa binh do Trần Ngỗi và Trần Quý Khoáng tập hợp được, đến đó kể như bị tan rã hoàn toàn.

Gần như đồng thời với cuộc nổi dậy của Trần Ngỗi (sau vài tháng, khoảng cuối năm 1407), có *phong trào áo đỏ* của nhân dân các dân tộc ít người. Nét đặc biệt của phong trào này là tuy phát triển mạnh mẽ khắp các vùng rừng núi, trung du từ Việt Bắc, Tây Bắc qua phía Tây của các tỉnh Hòa Bình, Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh và kéo dài suốt từ cuối năm 1407 đến năm 1427 nhưng không hề có ai đứng ra tổ chức và lãnh đạo. Đó chỉ là sự tự nguyện, ai tham gia thì mặc áo đỏ và hề thấy quân Minh thì tự tìm cách tiêu diệt.

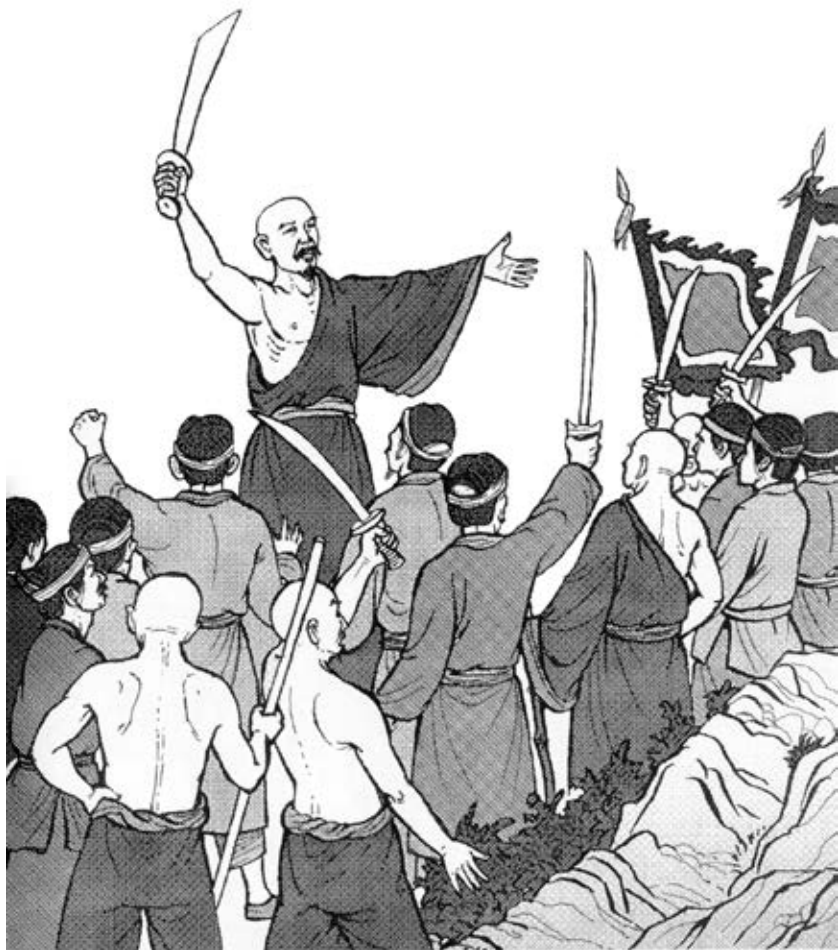


Phong trào áo đỏ đã góp phần làm suy yếu và cũng có nơi thật sự đã vô hiệu hóa chính quyền đô hộ của quân Minh đối với đồng bào dân tộc ít người, tạo điều kiện thuận lợi cho các cuộc khởi nghĩa khác có thể hoạt động mạnh mẽ và về khách quan đã góp một phần đáng kể vào thắng lợi cuối cùng của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi cầm đầu. Sau này, khi lên ngôi hoàng đế, Lê Lợi đã đánh giá cao vị trí đặc biệt của phong trào này.



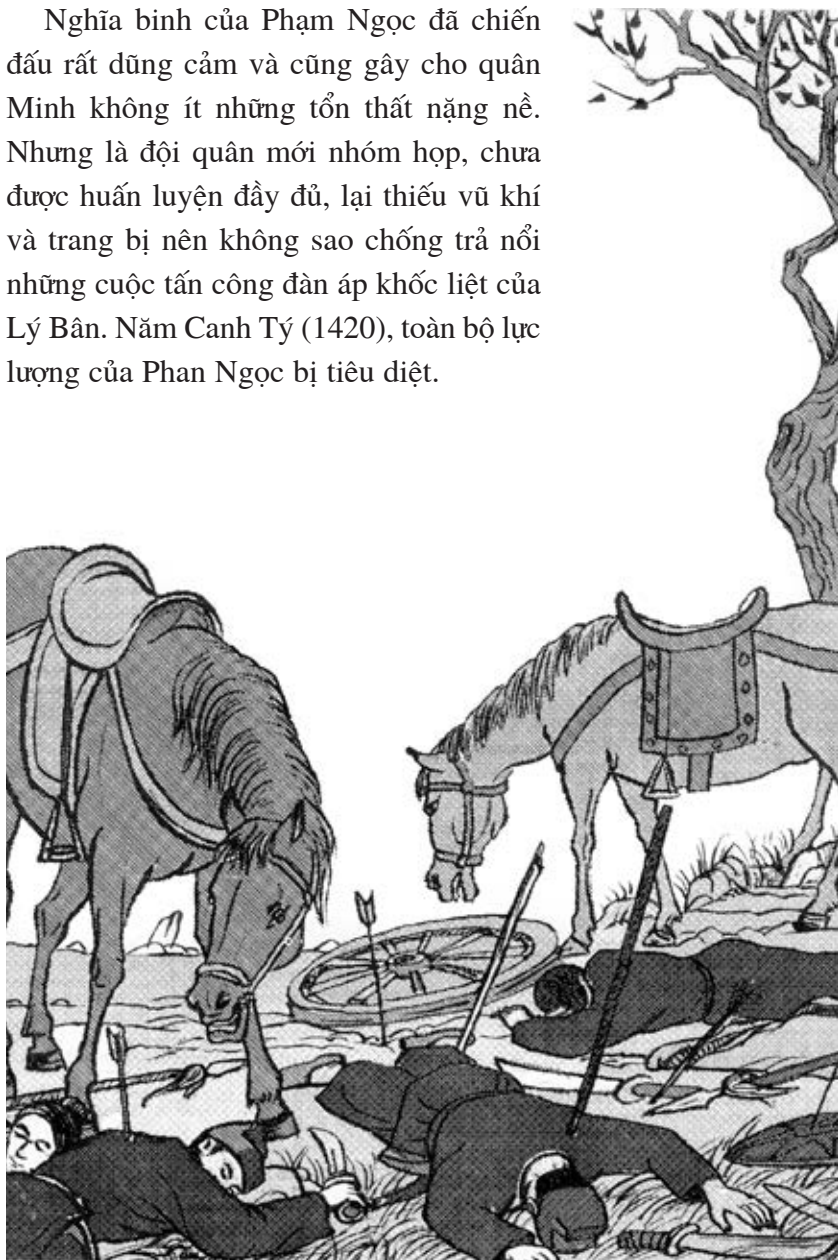


Sang năm Kỷ Hợi (1419), các cuộc nổi dậy liên tiếp nổ ra. Đầu tiên là vào tháng 7, một vị quan làm việc cho nhà Minh là Phan Liêu, đang giữ chức Tri phủ Nghệ An, đã từ bỏ hàng ngũ ngụy quan để trở về với nhân dân. Tại đây, vì luôn bị quân Minh bắt phải bức ép dân đi khai mỏ vàng mỏ bạc, chứng kiến sự cực khổ của dân phu, ông đã đem quân giết hết quan lại do nhà Minh phái đến rồi kéo đi vây thành Nghệ An. Tuy cuộc nổi dậy của Phan Liêu sớm bị dập tắt nhưng lại khơi ngòi cho những cuộc khởi nghĩa khác.



Tháng 11 năm ấy, được sự ủng hộ của một số nhà tu hành và đông đảo Phật tử, Phạm Ngọc, một nhà sư quê ở An Lão (nay là Kiến An, Hải Phòng) đã hiệu triệu nhân dân nổi dậy đánh đuổi quân Minh, giành lại độc lập và chủ quyền cho nước nhà. Lời hiệu triệu ấy nhanh chóng được nhân dân vùng Đồ Sơn (nơi có ngôi chùa mà ông tu hành) hưởng ứng. Cuộc khởi nghĩa do Phạm Ngọc lãnh đạo bùng nổ.

Nghĩa binh của Phạm Ngọc đã chiến đấu rất dũng cảm và cũng gây cho quân Minh không ít những tổn thất nặng nề. Nhưng là đội quân mới nhóm họp, chưa được huấn luyện đầy đủ, lại thiếu vũ khí và trang bị nên không sao chống trả nổi những cuộc tấn công đàn áp khốc liệt của Lý Bân. Năm Canh Tý (1420), toàn bộ lực lượng của Phan Ngọc bị tiêu diệt.





Cũng năm Kỷ Hợi (1419), Lê Ngã, gia nô của một quý tộc họ Trần, người huyện Thủy Đường thuộc ngoại ô thành phố Hải Phòng, đã xưng là cháu ba đời của vua Trần Duệ Tông, bấy lâu mai danh ẩn tích ở tận đất Lão Qua (nay thuộc Lào), giờ trở về để đánh giặc, cứu nước, cứu đời. Ông được một tù trưởng tên là Bế Thuấn gả con gái cho và tôn lập làm minh chủ. Chỉ trong vòng chưa đầy một tháng đã có hàng vạn người rủ nhau theo về. Thấy lực lượng đã đông đảo, Lê Ngã làm lễ lên ngôi, tự xưng là Thiên Thượng đế, lấy niên hiệu là Vĩnh Thiên, trao chức tước cho các tướng thân cận.

Nghĩa quân Lê Ngã đã đánh vào Xương Giang (vùng tiếp giáp giữa Lạng Sơn và Bắc Giang ngày nay) và Bình Thuận, gây được tiếng vang lớn. Nhưng ngay sau đó, chủ cũ của Lê Ngã là quý tộc Trần Thiên Lại, một kẻ cam tâm làm tay sai cho giặc, khi biết Vĩnh Thiên đế chính là gia nô cũ của mình, đã tập hợp lực lượng riêng, tự xưng là Hưng vận Quốc Thượng hầu để đánh nhau với Lê Ngã. Do phải chống trả một lúc hai kẻ thù, Lê Ngã gặp nhiều khó khăn. Cùng đường, ông phải bỏ trốn và nghĩa quân nhanh chóng tan rã.



Những cuộc khởi nghĩa chống quân Minh đô hộ tuy đều bị thất bại nhưng đã để lại cho phong trào đấu tranh chống quân Minh sau đó, nhất là cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, nhiều bài học kinh nghiệm vô giá: để lại cho lịch sử những tấm gương anh hùng tiết tháo sáng ngời như Trần Ngỗi, Trần Quý Khoáng, Phạm Ngọc, Lê Ngã cùng những tướng lĩnh xuất sắc như Đặng Tất, Đặng Dung, Nguyễn Cảnh Chân, Nguyễn Cảnh Dị, Nguyễn Súy, Nguyễn Chương, Nguyễn Biểu v.v... Sau này, nhà ái quốc hiện đại Phan Bội Châu đã phản ánh khí thế hào hùng cùng những tổn thất đáng tiếc của thời kỳ này trong tác phẩm *Trùng Quang tâm sử* với mong muốn gợi lại niềm hy vọng ở thế hệ sau...





Miếu thờ quân Minh chết trận tại cửa số 4 (Thạch Hà - Hà Tĩnh) do quân Minh xây trong khoảng thời gian từ năm 1407-1428.



Nơi cha con Hồ Quý Ly bị bắt giữ.

Ảnh: Le Breton

BẢN ĐỒ CÁC CÔNG TRÌNH KIẾN TRÚC BỊ GIẶC MINH PHÁ HOẠI



TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Tài liệu Trung Quốc:
 - Minh sử
 - Lịch sử Trung Quốc năm ngàn năm
- Tài liệu Việt Nam:
 - Lam Sơn thực lục
 - Đại Việt sử ký toàn thư
 - Đại Nam nhất thống chí
 - Việt Nam sử lược
 - Đại Việt thông sử
 - Việt sử thông giám cương mục

PHỤ LỤC

**NHỮNG BÀI THƠ YÊU NƯỚC
ĐỜI HẬU TRẦN
TIẾNG KHÓC LÂM LIỆT
CỦA MỘT THỜI ĐẠI MẤT NƯỚC**



NGUYỄN HUỆ CHI

Triều đại nhà Hậu Trần với hai vua Trần Giản Định và Trần Quý Khoáng kế tiếp nổi lên chống lại quân xâm lược Minh sau khi nhà Hồ bị bắt, trước sau chỉ tồn tại được 7 năm (1407-1413). Và trong 7 năm ấy, nội bộ không khỏi có nhiều lục đục, mâu thuẫn. Đó là điều không tránh khỏi được bởi họ không đại diện cho những lực lượng đang lên trong xã hội Việt Nam thuở ấy. Họ chỉ là sự phản ứng tuyệt vọng của đám quý tộc con cháu nhà Trần muốn cứu vãn một triều đại đã mất vai trò lịch sử, mà những con giông bão đầu thế kỷ XV chung quy là “đòn chí mạng” cuối cùng. Tuy nhiên, đứng về mặt không chịu khuất phục kẻ thù ngoại xâm, họ vẫn là một triều đại tiêu biểu cho truyền thống yêu nước bất khuất của dân tộc.

Cuộc kháng chiến của họ nhiều lúc đã tập hợp được đông đảo quần chúng và không ít anh hùng nghĩa sĩ, trong đó có những tướng tài đã lập nên chiến công lừng lẫy như Đặng Tất với trận thắng Bồ Cô lừng lẫy năm 1409 đánh tan mười vạn quân Minh, chém được Thượng thư giặc là Lưu Tuấn, lại suýt bắt được tướng giặc Mộc Thạnh, khiến cho thanh thế quân Trần trở nên vang dội, ngỡ như chỉ ngày một ngày hai là giành lại được cơ đồ. Sau này, dưới triều Lê Sơ, nhà thơ Vũ Mộng Nguyên nhân đi thuyền qua bến Bồ Cô, nhớ đến chiến công của Đặng Tất còn bồi hồi cảm xúc viết lên bài thơ *Chu trung vọng Bồ Cô hãn hựu cảm* (Trong thuyền ngó ra kè Bồ Cô cảm tác), coi đây là một trận thủy chiến sánh ngang hàng với trận Xích Bích lừng danh trong lịch sử Trung Quốc.

Hoặc như Đặng Dung, con trai Đặng Tất, không vì cha bị Giản Định giết oan năm 1410 mà phản bội công cuộc kháng chiến, trái lại, đã kế tục xứng đáng sự nghiệp của cha, cầm quân dưới triều Trần Trùng Quang, tuy bị Trương Phụ dồn đuổi đến tận Hóa châu

vẫn không hề núng thối. Mùa thu năm 1413, ông đem quân bất ngờ đánh úp đại binh Trương Phụ ở Sái Giã, làm quân Minh tan vỡ mất một nửa. Riêng ông nhảy lên thuyền Trương Phụ định bắt sống y khiến y phải lặn xuống một chiếc thuyền nhỏ mà trốn chạy. Nhưng đấy cũng là cơ hội cuối cùng của quân Trần mà ông đã để vượt khỏi tay, để sau đấy chỉ còn là những ngày lẩn trốn trước quân hùng thế mạnh của Trương Phụ, cho đến hai tháng sau thì cả vua tôi Trần Trùng Quang đều bị bắt. Bạn ông là Nguyễn Cảnh Dị cũng là một tướng giỏi, mắc vào mặt Phụ để khẳng khái nhận lấy cái chết tại chỗ. Còn ông, vừa là võ tướng nhưng cũng là một thi nhân, ông đã nén bi phần lại trong lòng, chờ cho con thuyền chở tù binh về Bắc ra đến giữa biển khơi mới ngâm lên bài thơ *Cảm hoài* gửi tâm nguyện lại cho nước non rồi nhảy xuống biển tự vẫn. Bài thơ, tuy là lời thở than của một con người chiến bại ôm hận vì bất lực trước cuộc thế, nhưng âm hưởng toát lên không chỉ có nỗi buồn. Một tình cảm cao cả vượt lên trên cả cái bi, đó là lời hẹn định ninh cùng non sông xã tắc, được đúc lại trong hình ảnh tuyệt đẹp về một người tráng sĩ ôm mối “quốc thù” đến bạc đầu và đêm đêm cứ đem gương ra mài dưới bóng trăng:

CẢM HOÀI

*Thế sự du du nãi lão hà,
Vô cùng thiên địa nhập hàm ca.
Thời lai đồ diếu thành công dị,
Vận khứ anh hùng ẩm hận đa.
Tri chúa hữu hoài phù địa trực,
Tẩy binh vô lộ vãn thiên hà.
Quốc thù vị báo đầu tiên bạch,
Kỷ độ Long Tuyền đới nguyệt ma.*

DỊCH NGHĨA

*Việc đời dằng dặc, khổn nỗi mình đã già!
Trời đất mệnh mông chỉ thu vào cuộc hát say.
Gặp thời, bọn hàng thịt đi câu cũng dễ thành công⁽¹⁾,
Lỡ vận rồi, người anh hùng nuốt nhiều tủi hận.
Giúp vua, có lòng định đỡ trực đất,
Rửa gương, tiếc không đường kéo nổi sông Ngân⁽²⁾.
Nợ nước chưa đền đầu đã sớm bạc,
Luống tiếc bao phen mài gương Long Tuyền⁽³⁾ dưới bóng trăng.*

DỊCH THƠ:

*Việc đời dài dặc vội già sao?
Trời đất mệnh mông say hát nhào.
Đồ钓鱼 nên công duyên gặp gỡ,
Anh hùng nuốt hận số lao đao.
Muốn xoay cốt đất phò minh chúa,
Khôn kéo sông Ngân đội chiến bào.
Thù nước chưa xong đầu đã bạc,
Mài gương mấy độ bóng trăng cao.*

Nguyễn Hiệt Chi dịch

⁽¹⁾ Bọn hàng thịt câu cá (đồ钓鱼): Đồi Hán, Phàn Khoái làm nghề thịt chó, Hàn Tín làm nghề câu cá, cả hai người về sau đều giúp Lưu Bang phá Tần diệt Sở.

⁽²⁾ Câu này lấy ý từ hai câu thơ trong bài Tẩy binh mã của Đỗ Phủ:

*An đắc tráng sĩ vãn Ngân Hà,
Tĩnh tẩy giáp binh trường bất dụng.*

Nghĩa là:

*Uớc gì có được người tráng sĩ kéo sông Ngân Hà,
Rửa sạch giáp binh để mãi mãi không dùng đến nữa.*

⁽³⁾ Long Tuyền: Tên một loại gương báu thời xưa.

Ngoài Đặng Tất và Đặng Dung, Nguyễn Cảnh Chân và Nguyễn Cảnh Dị, những cặp cha con giàu lòng trung nghĩa, biết gạt hiềm thù riêng để dồn sức cho mối thù chung, giai đoạn lịch sử này còn chứng kiến những tấm gương oanh liệt, vì nước hy sinh trong tư thế những con người biết tỉnh táo, trung dung, đặt nghĩa vụ lên trên cái chết. Nguyễn Biểu là một tấm gương như vậy. Ông đỗ Thái học sinh (Tiến sĩ) dưới triều Trần. Khi Trương Phụ đánh vào Nghệ An, vua Trùng Quang cử ông làm Chánh sứ đến điều đình với Phụ. Phụ muốn nấn gân ông, cho làm cỗ đầu người để thết đãi. Nguyễn Biểu không hề hốt hoảng, đĩnh đạc thốt lên: “Mấy khi người Nam được ăn đầu người Bắc”, rồi cầm đĩa diêm nhiên ăn, vừa ăn ông vừa cảm khái thành bài thơ *Ăn cỗ đầu người*:

*Ngọc thiện trân tu đã đủ mùi⁽¹⁾,
Gia hào thêm có cỗ đầu người⁽²⁾.
Nem công chả phượng còn thua béo,
Thịt gấu gân lân hẳn kém tươi.
Ca lối Lộc minh so cũng một⁽³⁾,
Vật bày Thỏ thủ bội hơn mười⁽⁴⁾,
Kìa kìa ngon ngọt tày vai lợn,
Tráng sĩ như Phàn tiếng để đời⁽⁵⁾.*

(1) *Ngọc thiện trân tu*: Tiệc ngọc, món ăn quý.

(2) *Gia hào*: Thức nhắm ngon.

(3) *Lộc minh*: Ý nói còn hơn cả yến tiệc Thiên tử đãi sứ giả. Bữa yến tiệc này từng được tả đến trong bài *Lộc minh* của Kinh Thi.

(4) Trong Kinh Thi thơ Biểu điệp có câu: *Hữu thỏ tư thủ*, nghĩa là Có đầu thỏ ấy, ý nói việc đãi yến tân khách.

(5) *Phàn*: Túc Phàn Khoái. Trong tiệc yến Hồng Môn, Hạng Võ muốn giết Hán Cao Tổ, Khoái xông vào lấy cốc là có tiệc rượu xin uống rồi trợn mắt uy hiếp Võ. Võ phải từ bỏ ý định giết Hán Cao Tổ và đem rượu thịt cho Khoái. Khoái uống rượu và ăn hết một vai lợn. Võ khen là tráng sĩ. Ở đây là Nguyễn Biểu cho mình ăn đầu người cũng là tráng sĩ như Phàn Khoái.

Giọng thơ trào lộng ở đây cho thấy tâm thế của một người biết chiến thắng chính mình - chiến thắng nỗi sợ, trước tiếng gọi thiêng liêng của đại nghĩa: “*Nem công chả phượng còn thua béo; Thịt gấu gân lân hẳn kém tươi*”. Trương Phụ thấy không dọa nổi ông bèn giữ ông lại. Ông liền vạch trần bản chất cướp nước của Phụ. Sau Phụ cho trói ông xuống chân cầu sông Lam để nước thủy triều lên dìm chết ông. Trong tình thế nhà Hậu Trần đang ở vào bước đường cùng lúc bấy giờ, chuyến đi sứ của Nguyễn Biểu hẳn không khác gì Kinh Kha thay mặt nước Yên sang Tần cuối thời Chiến Quốc. Nhưng tình cảm của Nguyễn Biểu có khác với Kinh Kha. Trước khi ông ra đi, Trần Trùng Quang làm thơ tiễn, nhấn mạnh cái ý công thành danh toại:

TIỄN NGUYỄN BIỂU ĐI SỨ

*Mấy vần thơ cũ gọi Hoàng hoa⁽¹⁾,
Trịnh trọng rày nhân vắng khúc ca,
Chiếu phượng⁽²⁾ mấy hàng tờ cận kề,
Vó câu nghìn dặm tuyết xông phá.
Tang bồng đã bấm lòng⁽³⁾ khi trẻ,
Khuong quế thêm cay tính tuổi già⁽⁴⁾.
Việc nước một mai công ngô vẹn,
Gác lân⁽⁵⁾ danh tiếng dôi lâu xa.*

(Thơ Nôm chép trong tập
Thế phả họ Hoàng ở Nghệ Tĩnh)

⁽¹⁾ Hoàng hoa: Kinh Thi có bài thơ Hoàng hoàng giả hoa, làm lời vua sai tôi đi sứ.

⁽²⁾ Chiếu phượng: Tờ chiếu của vua viết trên giấy ngũ sắc hoặc trên gấm vóc bằng tơ, đặt trên đầu chim phượng mà đọc, tỏ vẻ kính trọng.

⁽³⁾ Bấm lòng: Quyết chí.

⁽⁴⁾ Khuong quế: Gừng quế càng già thì tính chất càng cay, ý nói tuổi tác càng già thì khí tiết càng cứng rắn.

⁽⁵⁾ Gác lân: Thời nhà Hán lập gác Kỳ lân vẽ hình những công thần để biểu dương công trạng.

Nguyễn Biểu biết không bao giờ có chuyện đó, tuy vậy vẫn đáp lại vua bằng những lời tin tưởng, tự nhận mình thiếu tài năng nhưng khí phách có thừa:

*Tiếng ngọc từ vầng trước bệ hoa,
Ngóng tai đồng vọng thuở thi ca.
Đường mây gió kылần lần trải,
Ải tuyết cờ mao thúc thúc pha⁽¹⁾
Há một cung tên lồng chí trẻ,
Bội mười vàng sắt đúc gan già.
Hổ mình vả thiếu tài chuyên đối⁽²⁾,
Dịch lộ ba ngàn dám ngại xa⁽³⁾!*

(Họa thơ tiền của vua Trùng Quang)

Sau khi Nguyễn Biểu hy sinh, Trùng Quang làm bài văn tế nhắc lại đúng cái ý “Nghĩ đến câu *thường đảm bất vong* (can đảm không bao giờ mất), lòng thêm dọi dọi” mà ông đã nói trước lúc ra đi:

TẾ NGUYỄN BIỂU

Than rằng:

*Sinh sinh hóa hóa, cơ huyền tạo mờ mờ,
Sắc sắc không không, bụi hồng trần phơi phơi⁽⁴⁾*

⁽¹⁾ *Cờ mao*: Cờ kết bằng lông mao, ban cho sứ giả hoặc một vị quan đi làm sứ mệnh quan trọng.

⁽²⁾ *Chuyên đối*: Sách Luận Ngữ có câu “sứ ư tứ phương bất năng chuyên đối, nghĩa là: Sứ đi các nước, không thể một mình đối đáp. Có ý nói không có tài của một sứ thần giỏi.

⁽³⁾ *Dịch lộ*: Đường trạm, tức đường quan đi qua. Ba ngàn: Tức ba ngàn dặm. Cả câu ý nói không ngại đường xa xôi.

⁽⁴⁾ *Cơ huyền tạo*: Máy tạo hóa màu nhiệm. *Sắc không*: Theo sách Phật, sắc chỉ mọi vật có hình có tướng; không là trống rỗng, vượt ra ngoài các vật có hình có tướng.

Biết cộng thù, thiên địa chứng cho,
 Vô cùng hận, quỷ thần thề vớ⁽¹⁾.
 Nhớ thuở tiên sinh cao giờ mũ trái⁽²⁾,
 Chăm chăm ở nơi đài gián, dành làm cột đá để ngăn dòng.
 Tôi khi tiên sinh xa gác vó câu, hăm hăm chỉ,
 Cán cò mao, bỗng trở gió vàng bèn nên nổi⁽³⁾.
 Thối tình chiền Hồ tặc chĩn hăm⁽⁴⁾,
 Gan thiết thạch Tô công dễ đổi⁽⁵⁾.
 Quan Vân Trường gặp Lữ Mông dễ sa cơ ấy,
 Mảng thấy chữ “phệ tề hà cập” dạ những ngùi ngùi⁽⁶⁾.
 Lưu Huyền Đức giận Lục Tốn, mong trả thù này,
 Nghĩ đến câu “thường đảm bắt vong”, lòng thêm dục dục⁽⁷⁾.

⁽¹⁾ Ý nói không đội trời chung

⁽²⁾ Mũ trái: Mũ có thù hình con giải trái, tương truyền là một loài thú biết phân biệt phải trái, chính tà. Túc mũ chúc Ngự sử, khi tiết ngày thẳng không tư vị, thiên lệch.

⁽³⁾ Cò mao: Cờ vua ban để đi sứ. Gió vàng: Gió mùa thu, nhắc việc Nguyễn Biểu bị giết vào đầu tháng 7 âm lịch là đã sang thu.

⁽⁴⁾ Tình chiền: Hôi tanh. Chĩn hăm: Chỉ hồng làm hại. Cả câu ý nói giặc Hồ hôi tanh chỉ hồng làm hại.

⁽⁵⁾ Tô công: Túc Tô Vũ, thời nhà Hán. Tô Vũ đi sứ Hung Nô bị giữ lại 19 năm, vẫn bền gan như sắt đá.

⁽⁶⁾ Phệ tề hà cập: Ăn năn sao kịp. Quan Vân Trường đòi Thục Hán sa cơ bị tướng Đông Ngô là Lữ Mông bắt nên bị hại.

⁽⁷⁾ Ý nói Lưu Bị giận Lục Tốn giúp Lữ Mông đánh phá quân Thục Hán cũng như Trần Trùng Quang giận Trương Phụ giết Nguyễn Biểu.

Thường đảm bắt vong: Ném mật đắng không quên, ý nói quyết tâm đánh giặc trả thù, giống Việt Câu Tiễn ném mật nằm gai quyết chí đánh bại Ngô Phù Sai.

Sầu kia khôn lấp cạn dòng,
 Thảm nọ dễ xây nên núi.
 Lấy chí báo chường hận đức, rượu kim tương một lọ,
 Vời vời mượn chuốc ba tuần⁽¹⁾.
 Lấy chi ủy thừa phương hồn, văn dụ tế⁽²⁾ mấy câu,
 Thăm thăm ngô thông chín suối.

(Trần Trùng Quang)

Và sự cù chừa Yên Quốc cũng đã tóm thâu đúng cái nét tính cách cứng cỏi đó, nâng cao lên như một biểu tượng cho cái đẹp của thời đại mình, cái đẹp “Vàng đúc lòng son một tấm; Sắt rèn tiết cứng mười phân” trong bài văn *Cầu siêu cho Nguyễn Biểu*:

Chối chối một vùng tuệ nhật,
 Đùn đùn mấy đóa từ vân⁽³⁾.
 Tam giới soi hòa trên dưới,
 Thập phương trải khắp xa gần⁽⁴⁾.
 Giải thoát lần lần nghiệp chướng,
 Quang khai chống chốn mê tân⁽⁵⁾.
 Trần quốc xây vừa mặt tạo⁽⁶⁾,
 Sứ Hoa bồng có trung thần.

⁽¹⁾ Kim tương ba tuần: Ba lần rót rượu quý để tế.

⁽²⁾ Văn dụ tế: Bài văn làm lời vua, tế một vị quan có công hoặc được vua yêu quý.

⁽³⁾ Tuệ nhật, từ vân: Trí tuệ của nhà Phật sáng như mặt trời, đức lành của nhà Phật rộng lớn như tầng mây.

⁽⁴⁾ Tam giới: Ba cõi của những người đã trừ bỏ được dục giới, sắc giới, và vô sắc giới. Thập phương: Mười phương, tức mọi nguồn ở khắp nơi.

⁽⁵⁾ Nghiệp chướng: Chỉ tội ác làm ở kiếp trước, gây chướng nghiệp cho kiếp sau. Mê tân: Bế mê khiến người đời mê đắm không còn sáng suốt.

⁽⁶⁾ Mặt tạo: Cuối đời, cuối vận.

*Vàng đúc lòng son một tấm,
Sắt rèn tiết cứng mười phân.
Trần kiếp vì đâu oan khổ,
Phương hồn đến nỗi trầm luân!
Tế độ dận nhờ từ phiệt⁽¹⁾,
Chân linh ngộ được phúc thần⁽²⁾*

(Sư chùa Yên Quốc)

Đặng Dung và Nguyễn Biểu là hai hình ảnh đối xứng của cùng một con người trí lự Việt Nam, con người vừa võ vừa văn, kết tinh được tinh hoa và khí phách của dân tộc, đã sống và chết xứng đáng trong thời của họ: một thời buổi gian nan, một bước ngoặt đầy bi tráng của lịch sử đất nước.

⁽¹⁾ Từ phiệt: Bè từ, tức bè của Phật đi cứu người trầm luân.

⁽²⁾ Chân linh: Tinh thần thiêng liêng có thực. Phúc thần: Danh nhân sau khi chết được thờ làm thần.

LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH
TẬP 30
SỰ TÀN BẠO CỦA GIẶC MINH

Trần Bạch Đằng *chủ biên*
Nguyễn Khắc Thuần *biên soạn*

Chịu trách nhiệm xuất bản: NGUYỄN MINH NHỰT
Chịu trách nhiệm nội dung: NGUYỄN THẾ TRUẬT
Biên tập: CÚC HUONG - LIÊN HUONG
Biên tập tái bản: TÚ UYÊN
Bìa: BIÊN THÙY
Sửa bản in: ĐÌNH QUÂN
Trình bày: VŨ PHUONG

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ
Địa chỉ: 161B Lý Chính Thắng, Phường 7,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (08) 39316289 - 39316211 - 39317849 - 38465596
Fax: (08) 38437450
E-mail: nxbtre@hcm.vnn.vn
Website: www.nxbtre.com.vn

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN TRẺ TẠI HÀ NỘI
Địa chỉ: Số 21, dãy A11, khu Đầm Trấu, Phường Bạch Đằng,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: (04) 37734544
Fax: (04) 35123395
E-mail: chinhanh@nxbtre.com.vn

CÔNG TY TNHH SÁCH ĐIỆN TỬ TRẺ (YBOOK)
161B Lý Chính Thắng, P.7, Q.3, Tp. HCM
ĐT: 08 35261001 – Fax: 08 38437450
Email: info@ybook.vn
Website: www.ybook.vn

Quân cuồng Minh thừa cơ gây hoạ
Bọn gian tà còn bán nước cầu vinh
Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn
Vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ
Dối trời lừa dân đủ muôn ngàn kế
Gây thù kết oán trải mấy mươi năm
Bại nhân nghĩa nát cả đất trời.
Nặng thuế khoá sạch không đầm núi.
Người bị ép xuống biển dòng lưng mò ngọc,
ngán thay cá mập thuồng luồng.
Kẻ bị đem vào núi đãi cát tìm vàng,
khốn nỗi rừng sâu nước độc.
Vết sản vật, bắt dò chim sả, chốn chốn lưới chăng.
Nhiều nhân dân, bắt bẫy hươu đen, nơi nơi cạm đặt.
Tàn hại cả giống côn trùng cây cỏ,
Nheo nhóc thay kẻ goá bụa khốn cùng.
Thằng há miệng, đứa nhe răng, máu mỡ bấy no nê chưa chán,
Nay xây nhà, mai đắp đất, chân tay nào phục dịch cho vừa?
Nặng nề những nỗi phu phen
Tan tác cả nghề canh cửi.
Độc ác thay, trúc Nam Sơn không ghi hết tội,
Dơ bẩn thay, nước Đông Hải không rửa sạch mùi!
Lẽ nào trời đất dung tha?
Ai bảo thần dân chịu được?

(trích Bình Ngô đại cáo, bản dịch của Ngô Tất Tố)